

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, kế hoạch sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người. Và trong nền kinh tế đó tất nhiên cũng không thể hạ thấp vai trò của hoạt động sản xuất.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức, quản lý tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh”.

Khoá luận của em gồm 3 phần sau:

Phần 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh.

Phần 3: Một số phương pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Phạm Thị Nga và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận của mình, song do khả năng còn nhiều hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít nên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình, đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn GV Th.S Phạm Thị Nga, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cùng các cô chú trong phòng kế toán của Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Minh

PHẦN 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1 Doanh thu và các loại doanh thu

a) Doanh thu

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trị giá thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã thực hiện.

b) Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao dịch vụ.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu

hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác (TK 711): là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

c) Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

***Chiết khấu thương mại (TK 521):** là khoản giảm trừ cho người mua do người mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

*** Giảm giá hàng bán (TK 532):** là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách...

*** Hàng bán bị trả lại (TK 531):** là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

***Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- **Thuế xuất khẩu:** là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

- **Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

1.1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá

* **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

* **Chi phí bán hàng:** Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo...

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN):** Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, Chi phí vật liệu quản lý, Khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, Thuế phí và lệ phí, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác...

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

* **Chi phí khác:** là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác.

*** Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Ý nghĩa, tác dụng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp:

- + Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- + Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- + Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- + Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.
- Đối với Nhà nước:
 - + Giúp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia.
 - + Làm cơ sở cho các nhà hoạch định quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá...
 - + Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước thì việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.
- Đối với các nhà đầu tư: giúp các nhà đầu tư phân tích đánh giá hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.
- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.
- Đối với nhà cung cấp: là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

1.1.3 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

1.1.3.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất những phương hướng phát triển để làm sao nâng cao được doanh thu và giảm chi phí thấp nhất cho doanh nghiệp.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ các khoản doanh thu và chi phí.

- Lựa chọn phương pháp xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng trong quá trình bán hàng, cũng như chi phí QLDN, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng.

- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác.

- Lập và phân tích báo cáo KQKD đúng chế độ, kịp thời cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo KQKD, từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp gia tăng lợi nhuận.

1.2 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1 Các phương thức bán hàng

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua ngay tại kho, tại quầy, tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao chính thức được coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng chờ nhận: bên bán hàng chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn

bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán thông qua đại lý: khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền chậm trả phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng đổi hàng: khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách thì nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

- Phương thức bán hàng nội bộ: là mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

1.2.2 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Kế toán doanh thu

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)

* **Nội dung:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

* **Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT; hóa đơn bán hàng thông thường.

- Hợp đồng mua bán.

- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi.

- Thẻ quầy hàng.

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng; bảng sao kê của ngân hàng.

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho...

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 511:**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định KQKD”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

b) Doanh thu bán hàng nội bộ (TK 512)

* **Nội dung:** Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của công ty, Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

* **Kết cấu và nội dung của TK 512:**

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911.

Bên có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư đầu kỳ.

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

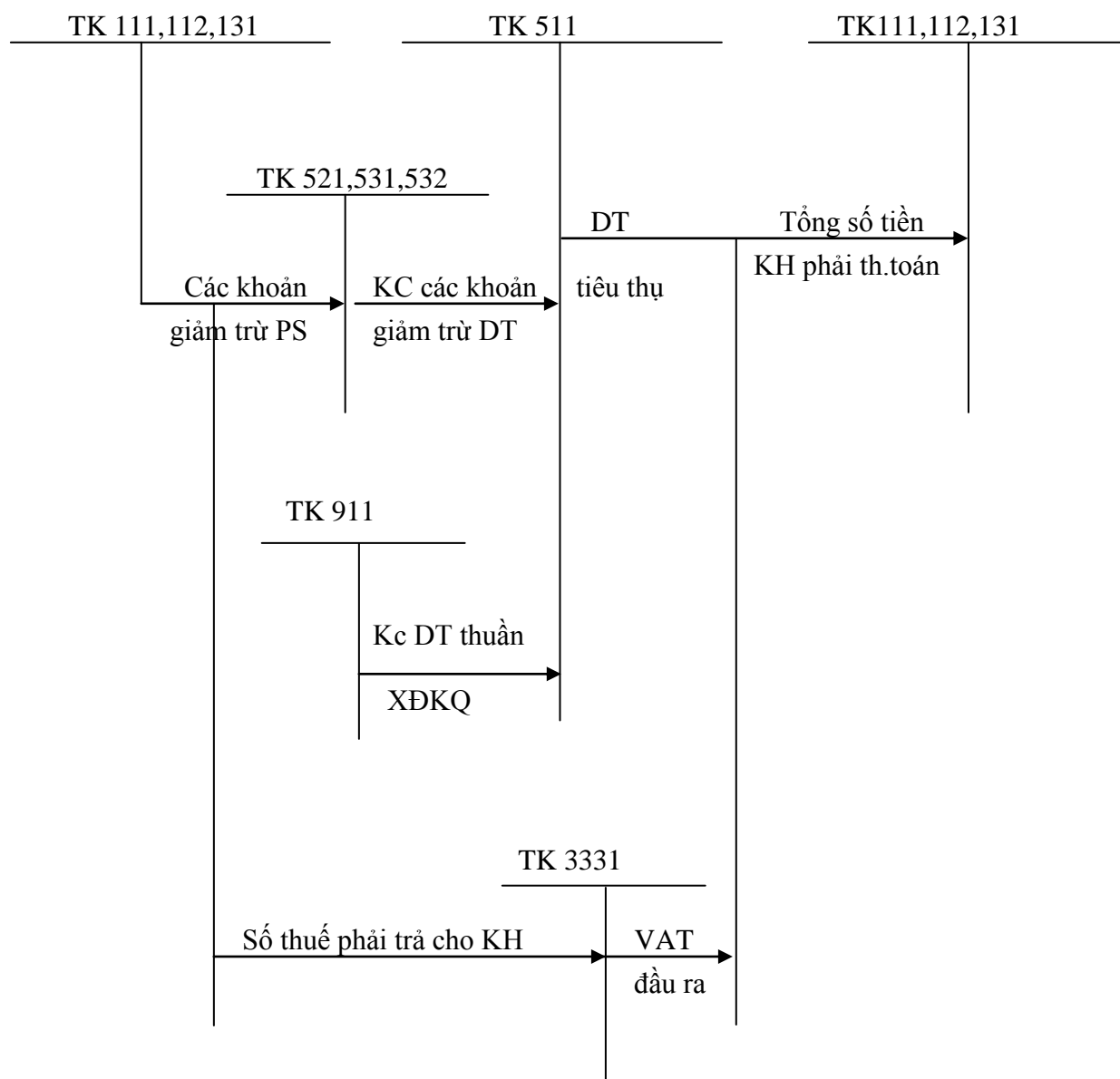
- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5121: Doanh thu cung cấp dịch vụ

c) Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

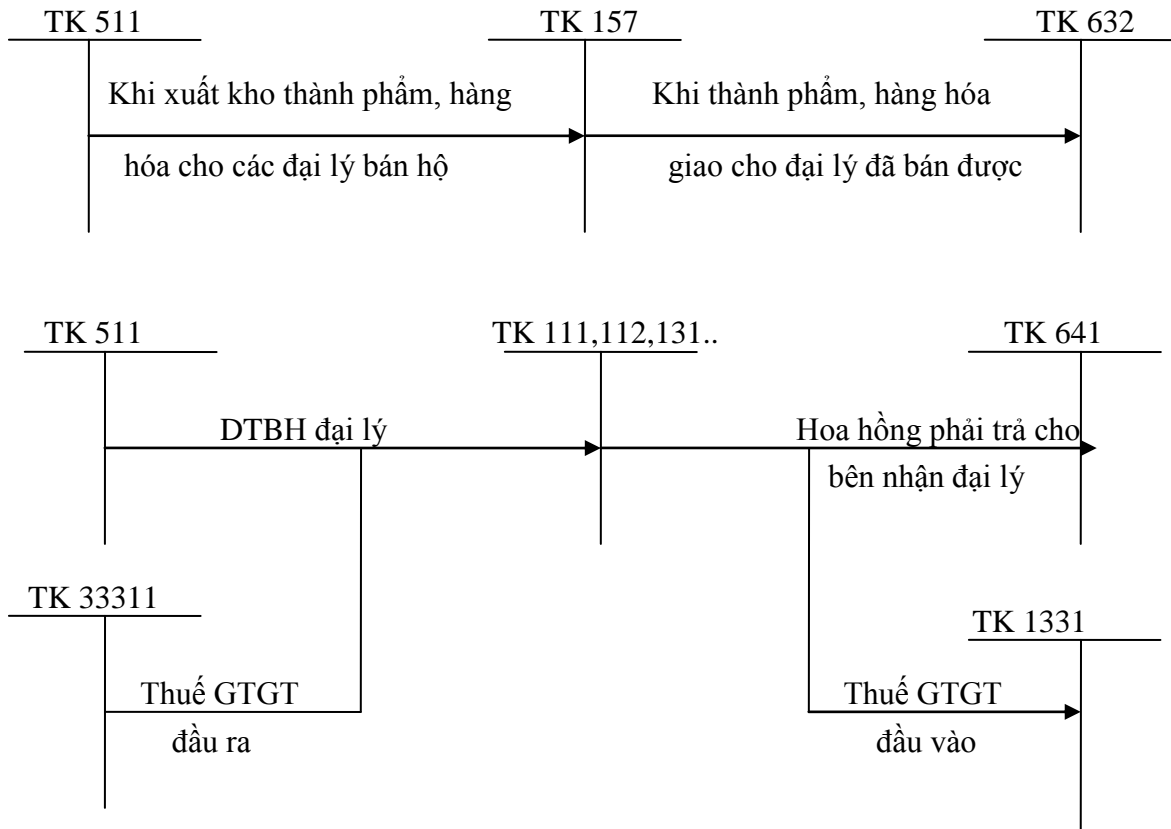
* **Trình tự kế toán:** Do có nhiều công thức bán hàng khác nhau nên việc hạch toán doanh thu từng trường hợp bán hàng cũng khác nhau.

Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ 1.3

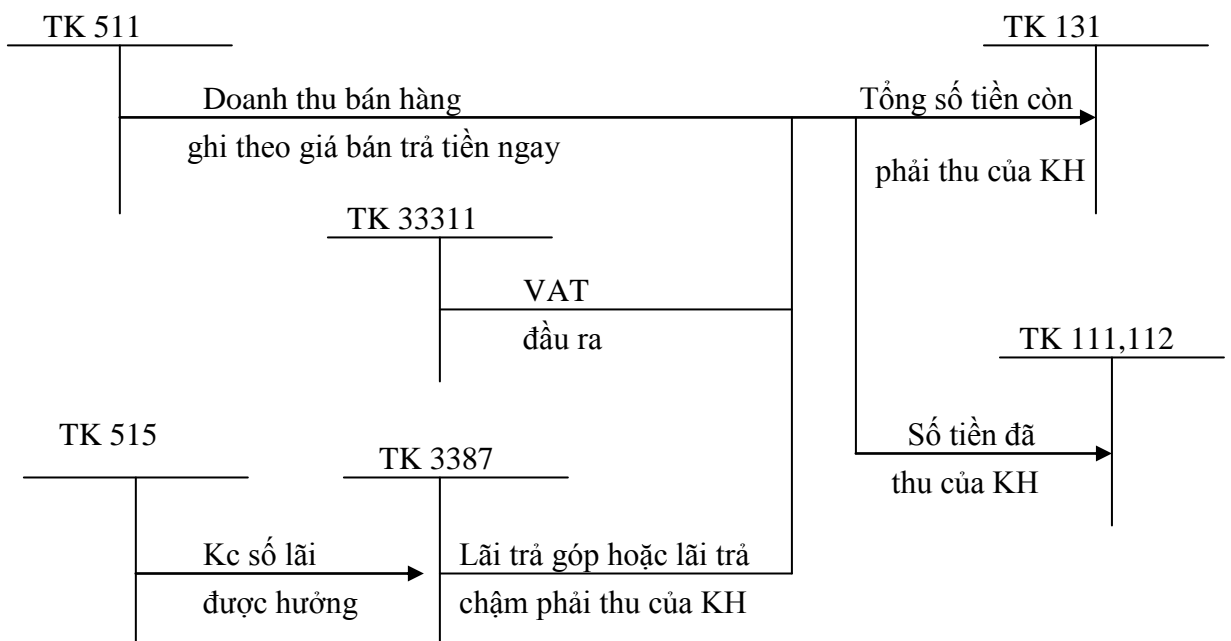
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



1.2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT; hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”:

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư .

- Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ .

- Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”:

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

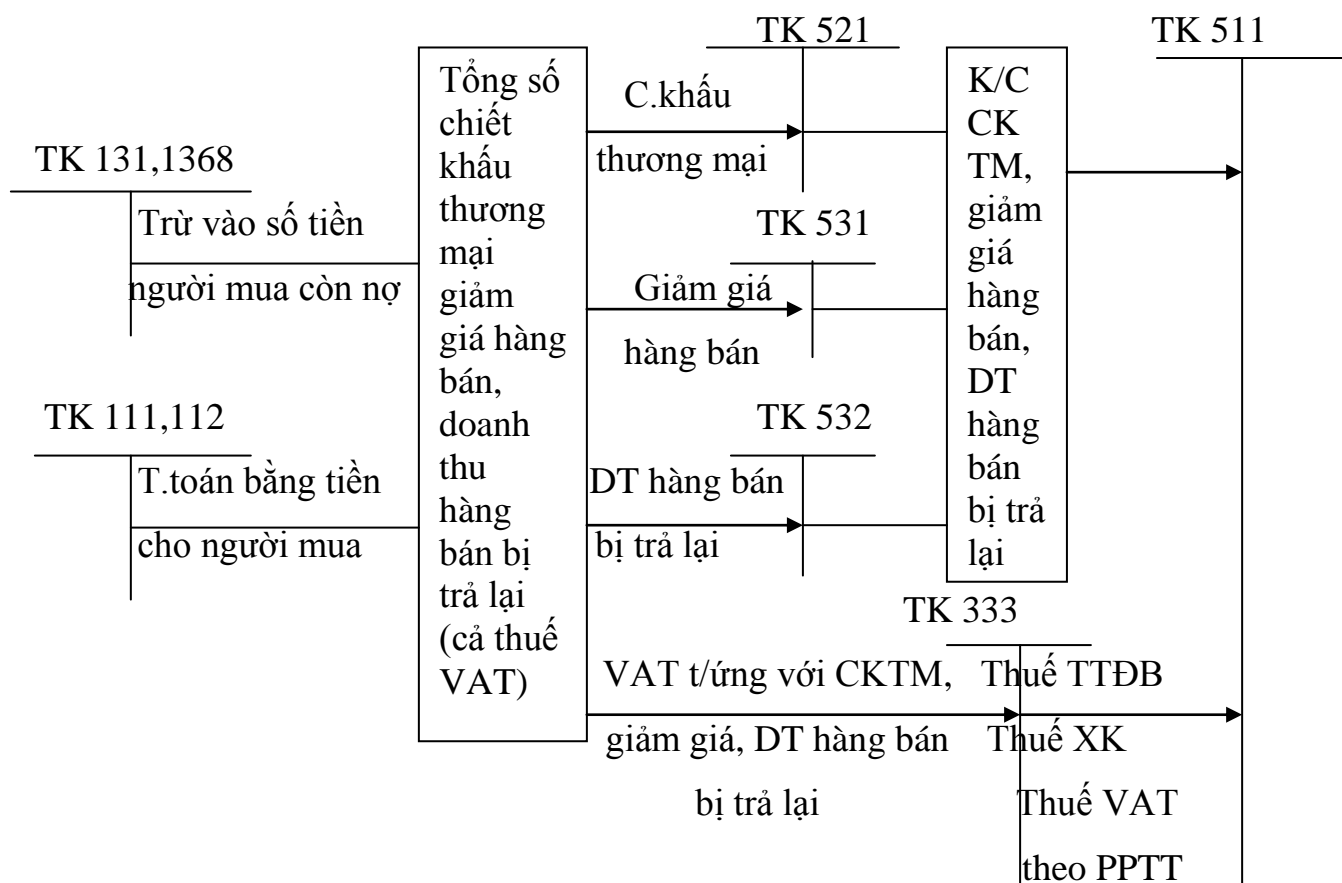
Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ .

- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu sử dụng tài khoản sau:
 - + Tài khoản 3332: thuế tiêu thụ đặc biệt
 - + Tài khoản 3333: thuế xuất, nhập khẩu

** Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

** Phương pháp xác định trị giá vốn hàng xuất bán.*

Giá vốn hàng bán là một nhân tố cấu thành kết quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy để xác định đúng đắn kết quả sản xuất kinh doanh thì ta phải xác định được đúng trị giá vốn hàng xuất bán.

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh.

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền.

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

- Phương pháp nhập trước - xuất trước.

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước.

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

a. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Bảng kê mua hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo co của ngân hàng...

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá, thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời phải ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng thẻ kho.

Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

*** Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

*** Kết cấu tài khoản:**

Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- Các khoản khác được tính vào trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

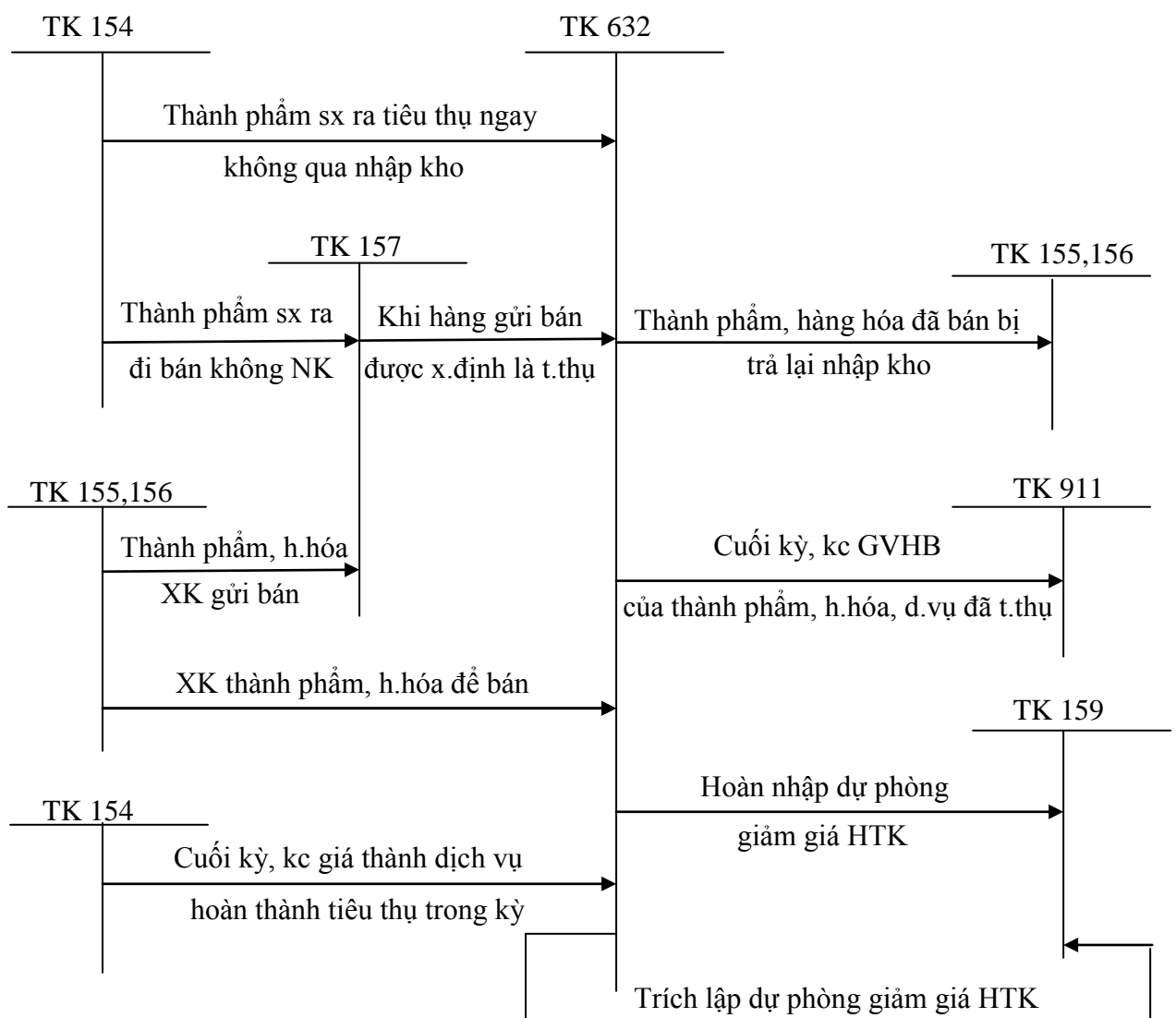
- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.

- Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

Tài khoản 632 không có số dư.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.5a: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



b. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.

Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111: Mua nguyên vật liệu

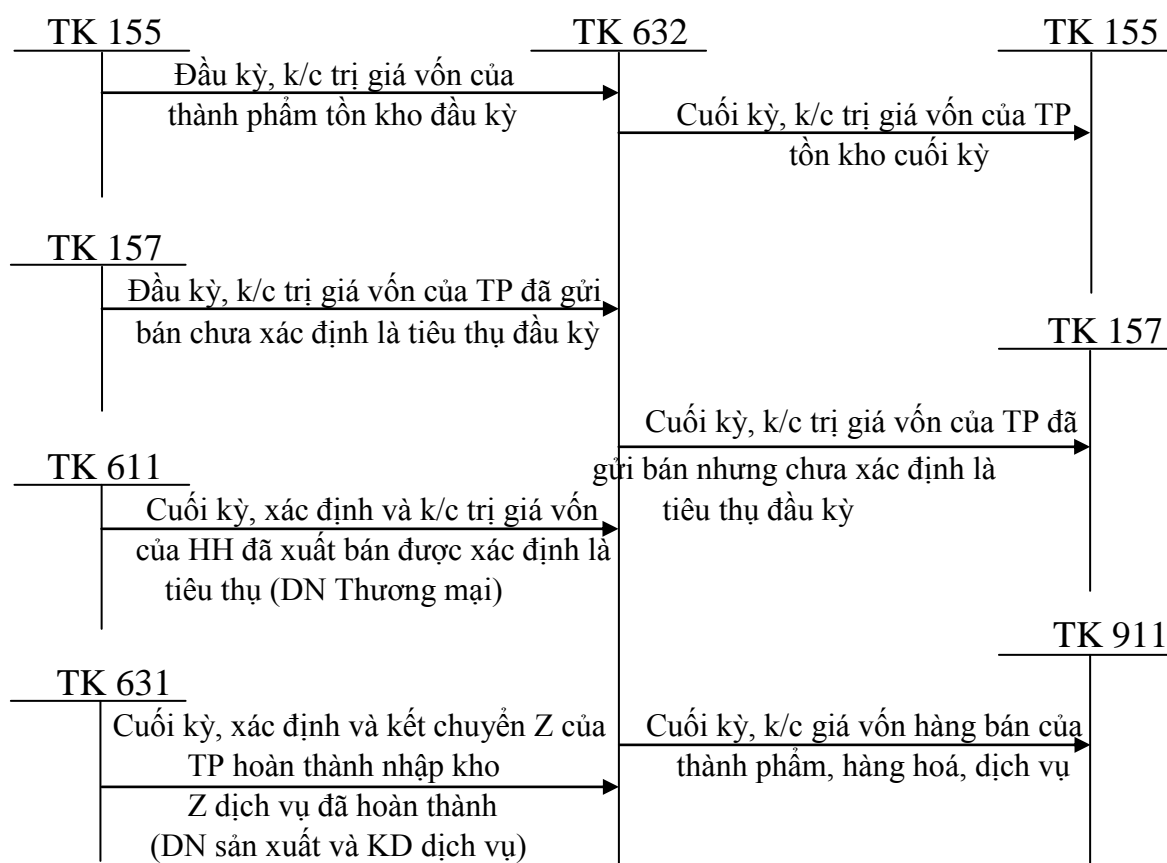
+ Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”

- Chứng từ sử dụng trong phương pháp này là phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng có chữ ký của khách hàng nhận hàng và các chứng từ liên quan khác như phiếu thu, giấy báo có, giấy nhận nợ do khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

***Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.5b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức KKĐK



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Chi phí bán hàng

*** Nội dung và kết cấu tài khoản:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng...

Bên nợ: Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tuỳ theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911.

*** Chứng từ sổ sách ghi chép:**

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị tạm thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí, vào

doanh thu bán hàng ghi và vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422- Chi phí chờ kết chuyển). Số chi phí này sẽ được kết chuyển, một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

1.2.4.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

* **Nội dung:** Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Tài khoản 642 không có số dư và gồm có các tài khoản cấp 2 sau:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên bộ phận quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Chi phí thuê, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí chi phí bằng tiền khác.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

* **Chứng từ sổ sách ghi chép:**

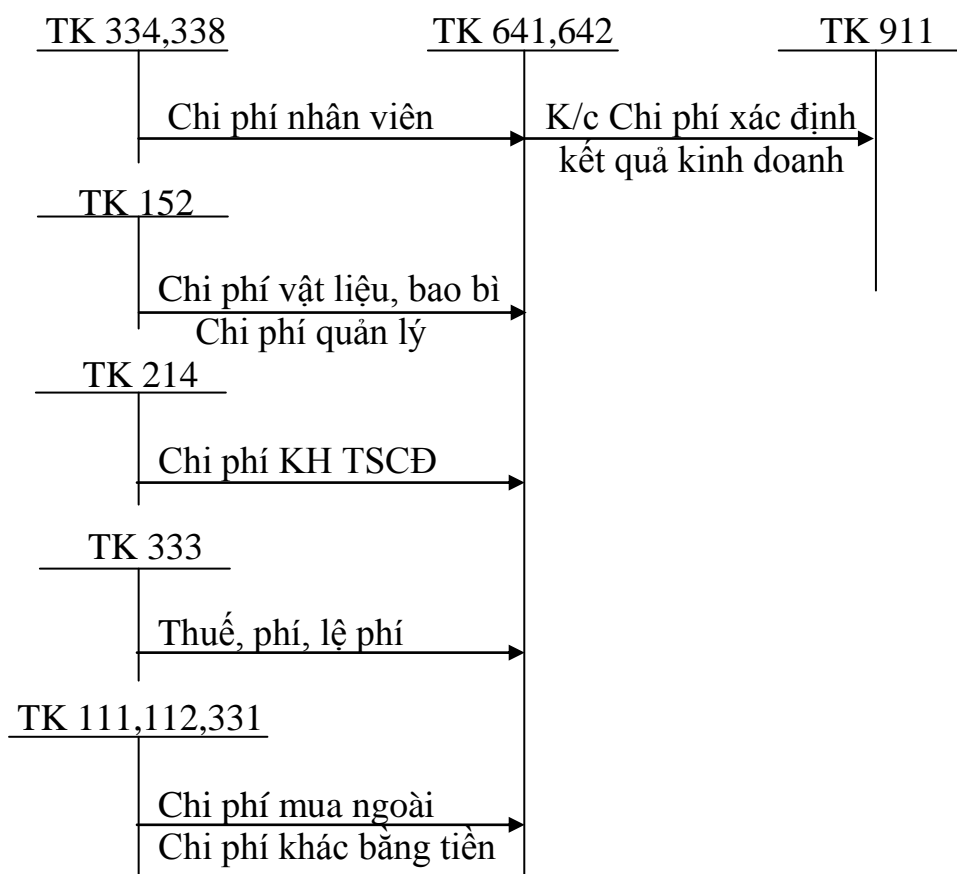
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 642.

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài hạn, trong kỳ có ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang tài khoản 142 (1422) để chờ phân bổ trong những kỳ tiếp theo.

*** Trình tự hạch toán:** Sơ đồ 6

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

- Sổ phụ, Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng...
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.5.1 Doanh thu hoạt động tài chính

*** Kết cấu của TK 515:**

Bên nợ:

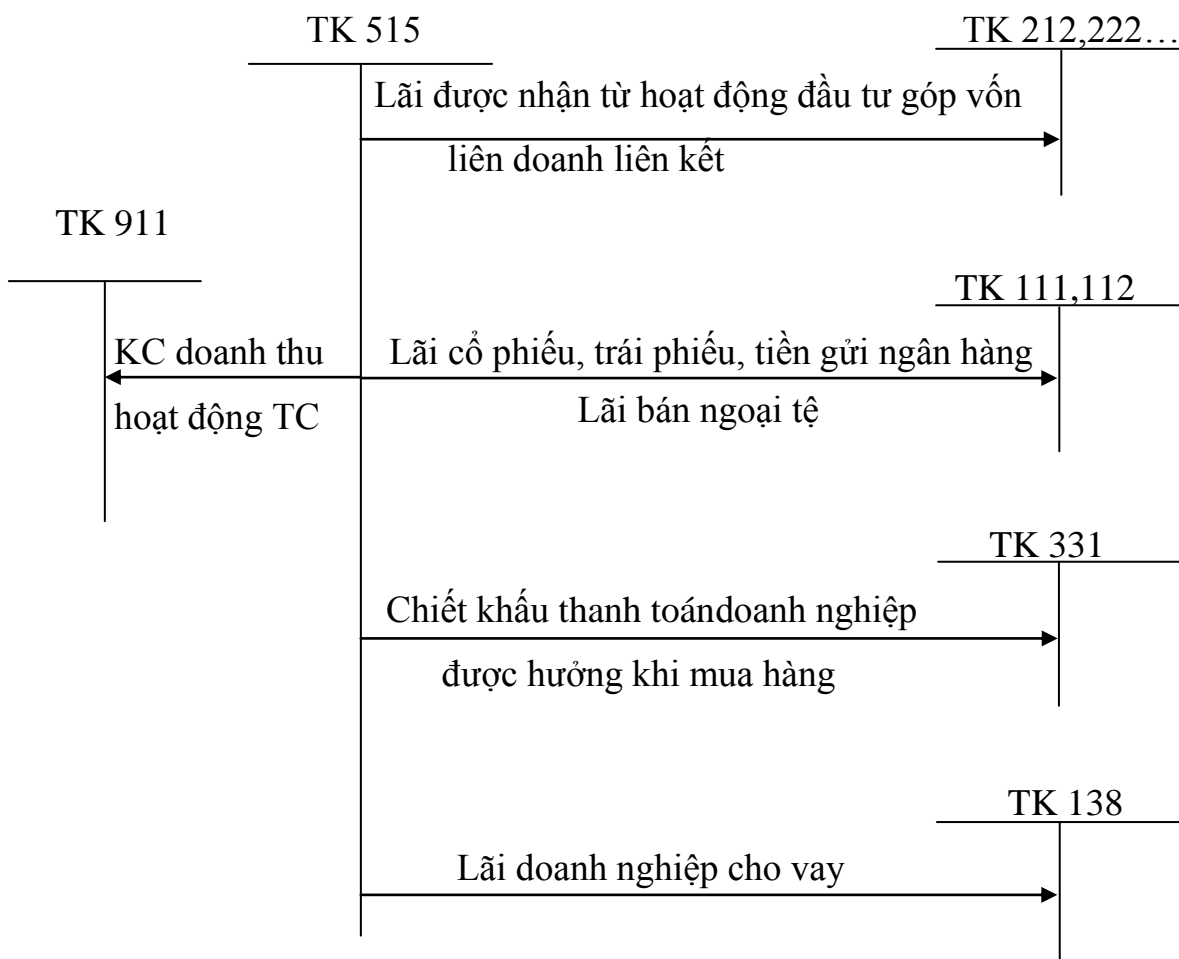
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.5.2 Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí kinh doanh bất động sản.
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.
- Chi phí tài chính khác.

*** Kết cấu của Tài khoản 635**

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

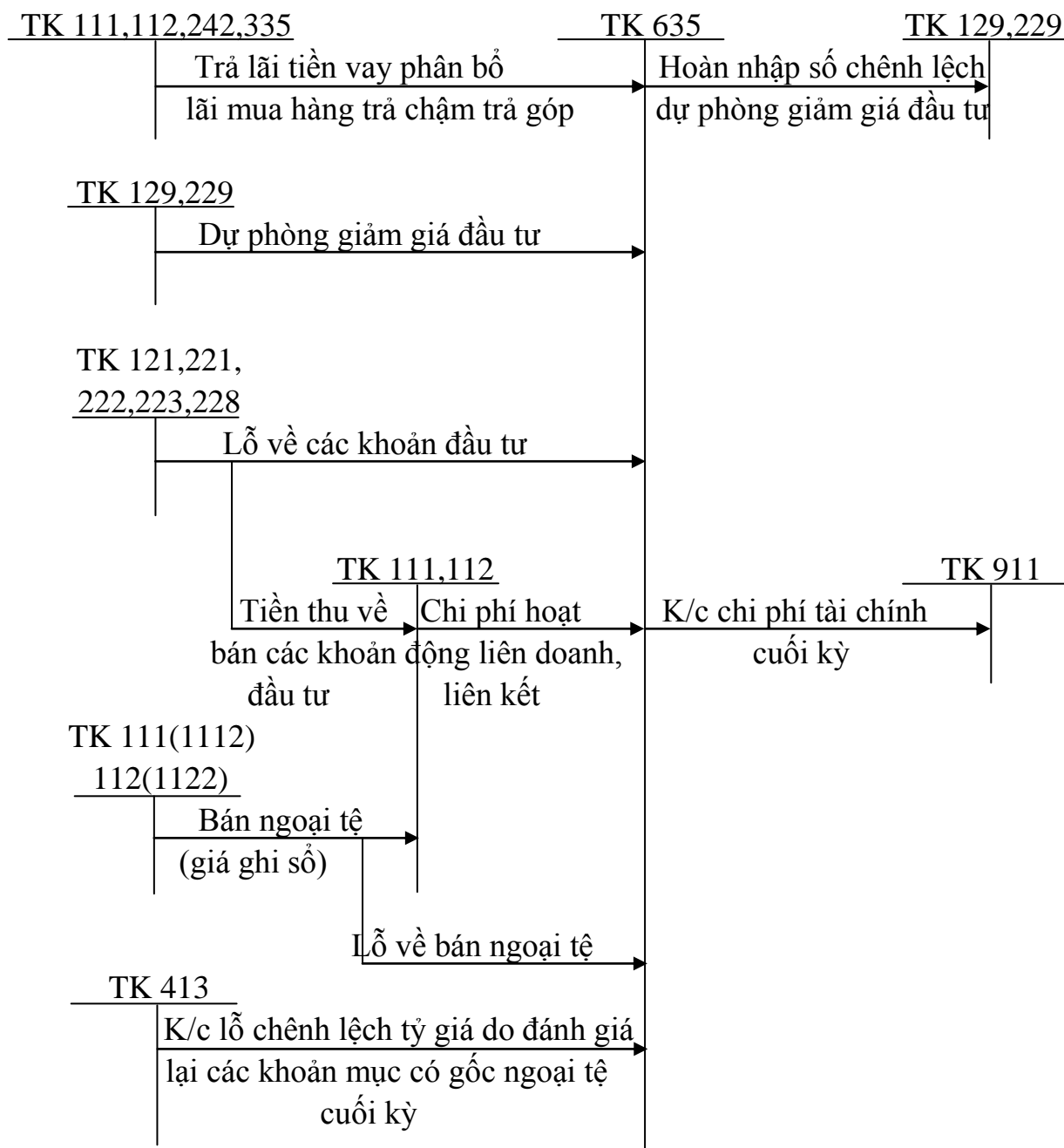
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

1.2.6.1 Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

*** Kết cấu của TK 711:**

Bên nợ:

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.

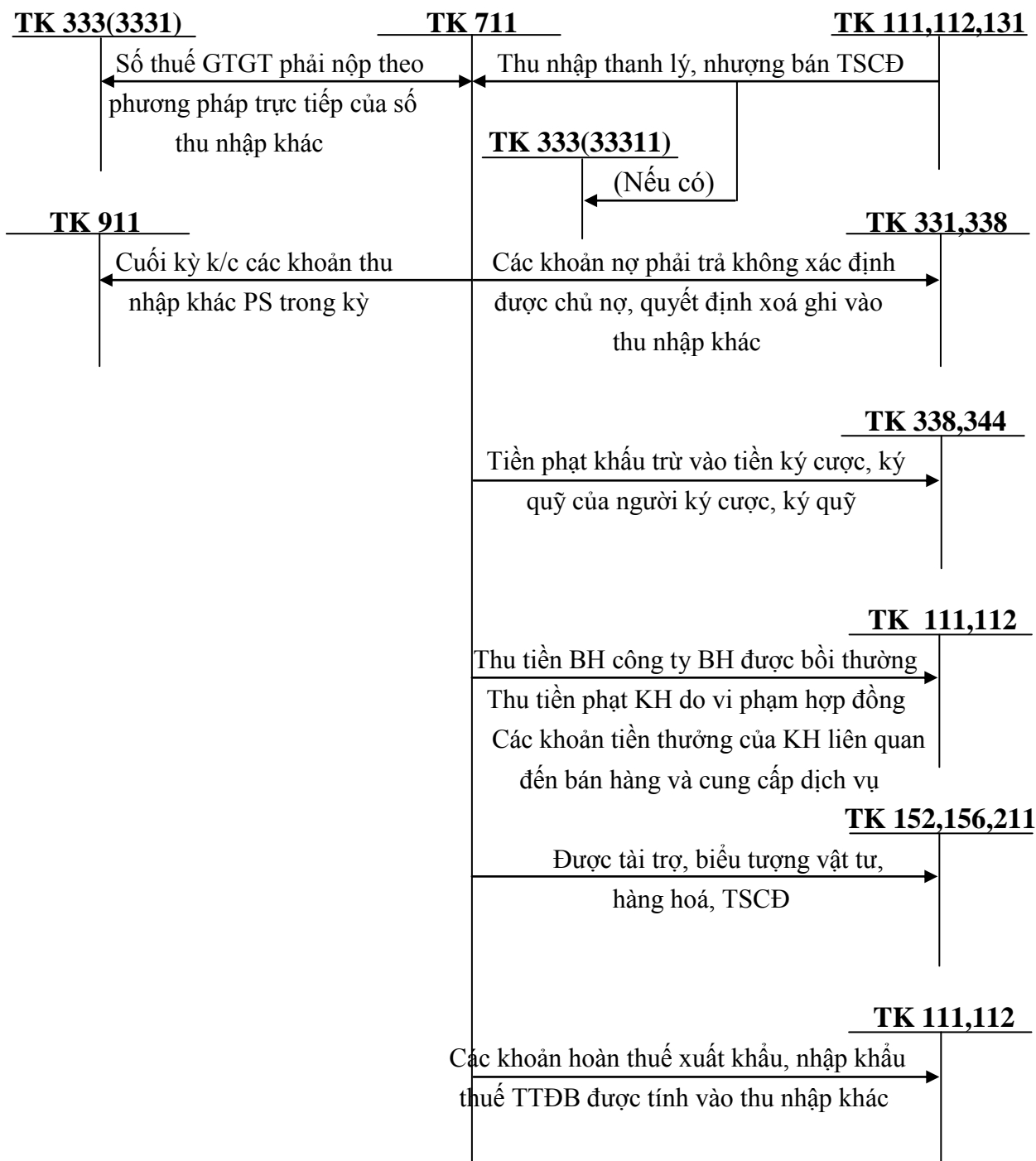
Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác



1.2.6.2 Chi phí khác

***Kết cấu của Tài khoản 811:**

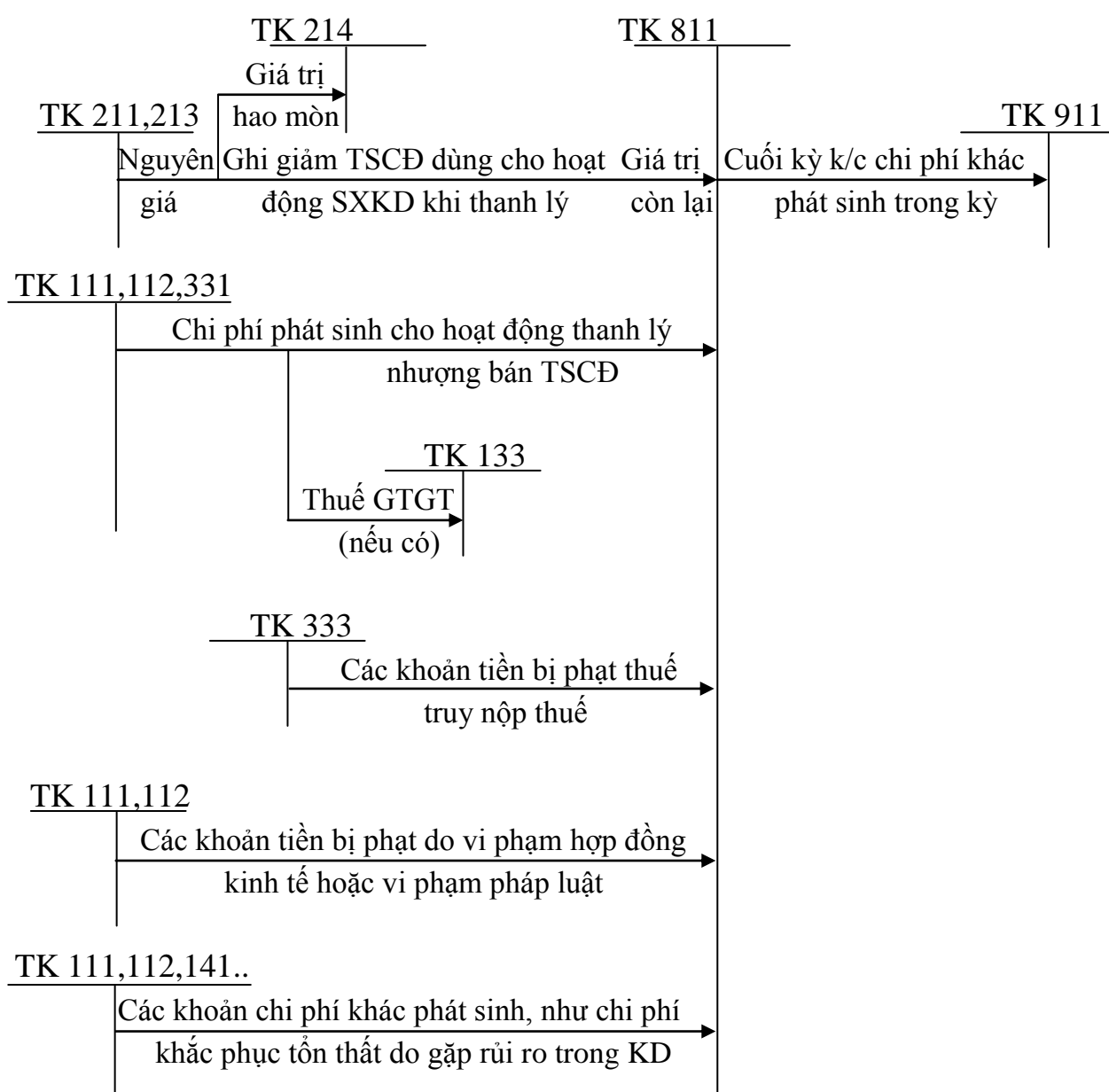
Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác



1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* **Chứng từ sử dụng:** Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác.

* **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”** - TK khoản này sử dụng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

* **Nội dung kết cấu tài khoản 911:**

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lãi.

Bên có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

- Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán} \\ \text{hang và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	Chi phí bán hàng
---	---	--	---	--	---	----------------------------	---	---------------------------------------	---	---------------------------

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối:

Tài khoản này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lãi, lỗ) và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- + Nộp lợi nhuận cho cấp trên.

Bên có:

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- + Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
- Tài khoản 421 (Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - + Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

*** Kết cấu và nội dung tài khoản 821:**

Bên nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập hiện hành phát sinh trong năm.
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm).
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8218- “Chi phí thuế

thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm thời phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm).

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm).

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư đầu kỳ.

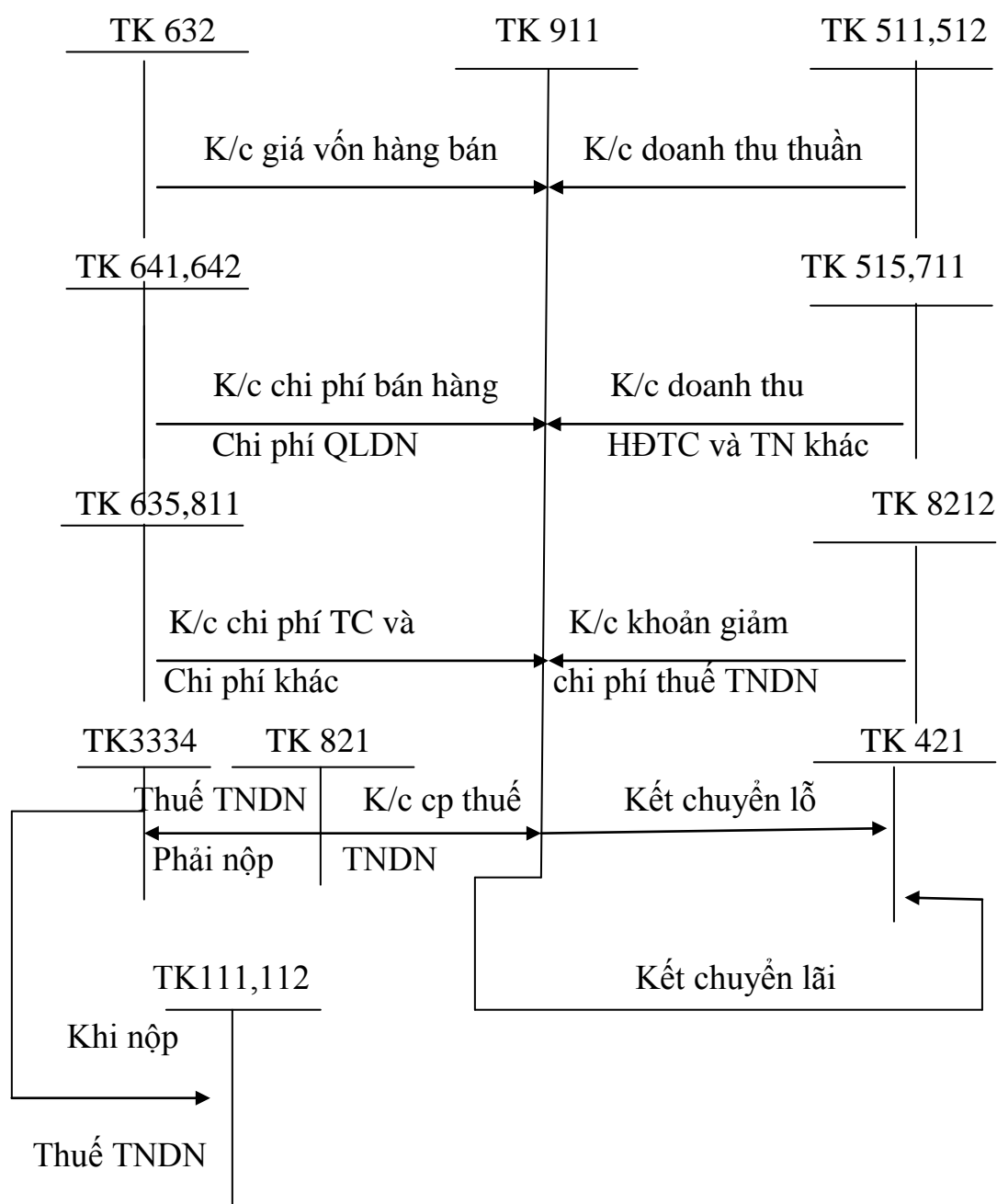
- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Theo quyết định 48 của Bộ tài chính các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

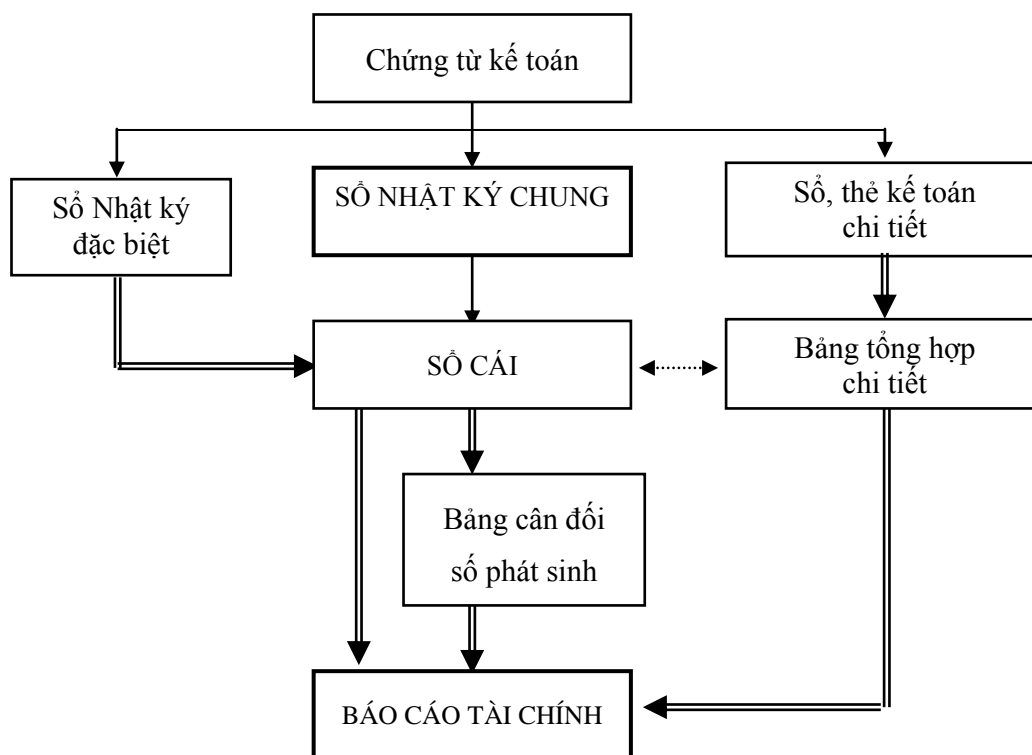
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu đồ 01: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

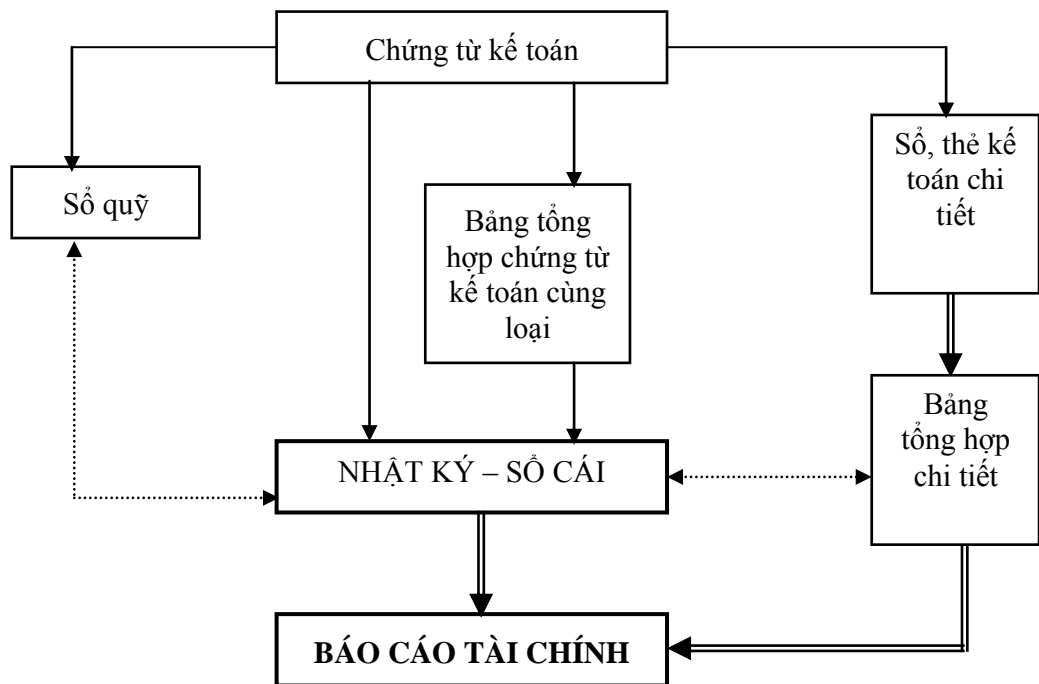
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu đồ 02: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

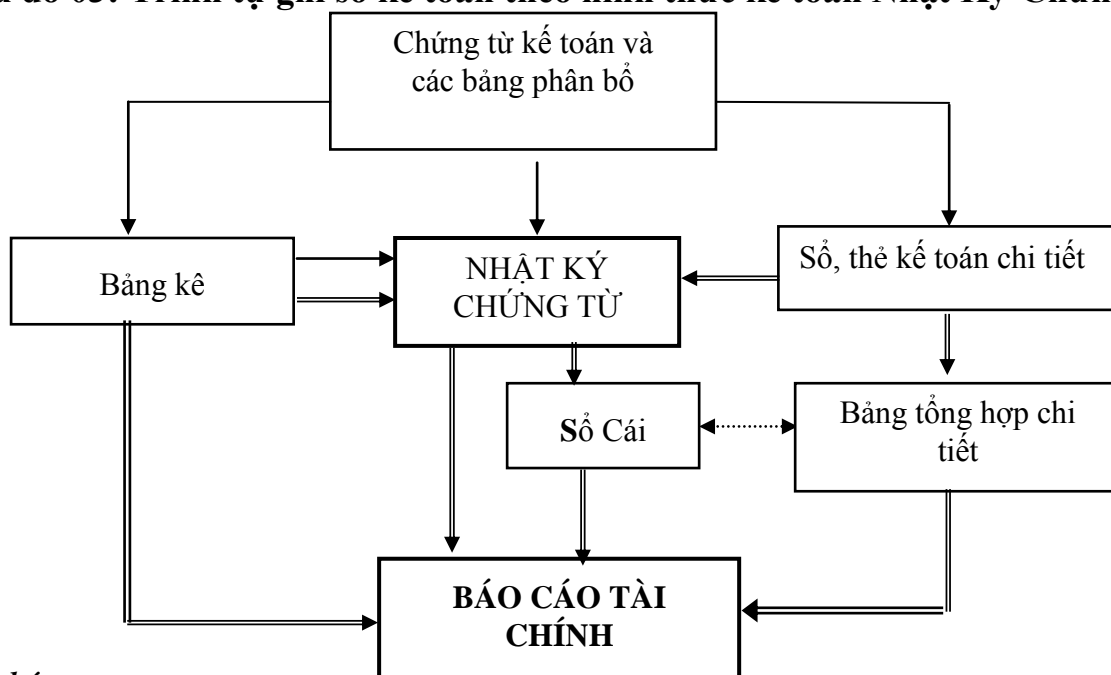
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Biểu đồ 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký-Chứng Từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

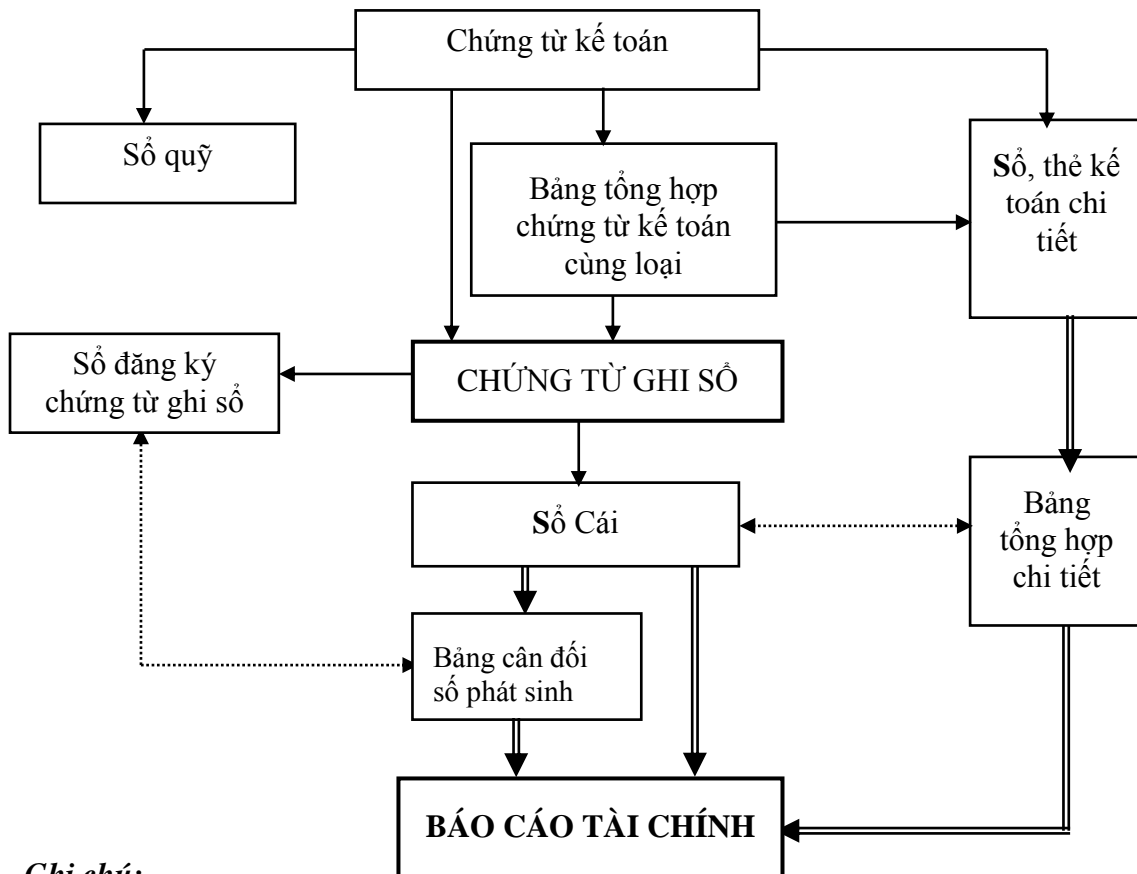
Đặc trưng cơ bản của hình thức này là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Biểu đồ 04: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

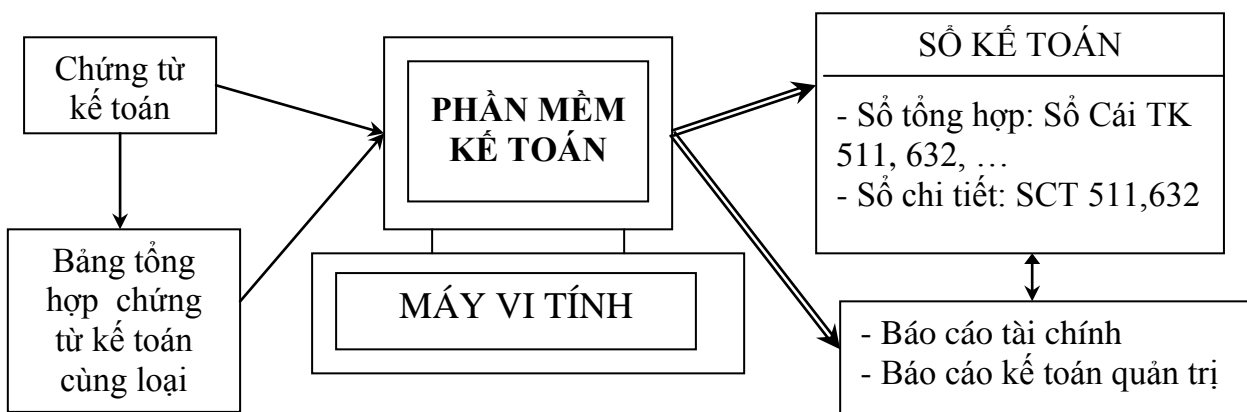
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kết toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Biểu số 05: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

PHẦN 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

2.1 Đặc điểm tình hình chung của Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh

2.1.1.1 Nguyên tắc hoạt động, tên gọi, trụ sở, và vốn

Nguyên tắc hoạt động

Công ty TNHH một thành viên Vận tải Mai Linh là Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp hiện hành được đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào doanh nghiệp.

Công ty là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng – Được nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Mọi hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, công ty có quyền lợi hợp pháp khác.

Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thế nhân khi có tố tụng, tranh chấp, giám đốc công ty là đại diện trước pháp luật của công ty.

Tên gọi và địa điểm, trụ sở

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng Việt:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
MAILINH TRANSPORT ONE MEMBER LIMITED COMPANY.
- Tên công ty viết tắt:
MALITRANSCO.,LTD
- Ngày thành lập công ty: 13/08/2007
- Người đại diện theo pháp luật của công ty (kiêm chủ sở hữu)

Giám đốc công ty: Nguyễn Văn Mai

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/03/1967 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 030745632 Ngày cấp: 06/08/2007

Cơ quan cấp: CAHP

Nơi đăng ký HKTT: An Thắng – Xã An Lư – H. Thủy Nguyên – Hải Phòng

Chỗ ở hiện tại : Thôn An Thắng – Xã An Lư – H. Thủy Nguyên – Hải Phòng

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Thắng – Xã An Lư – H. Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại: 031.3774562

Fax: 031.3967001

Tài khoản ngân hàng: 2531100185008 tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội, chi nhánh tại Hải Phòng.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của công ty là: 4.150.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng).

Vốn điều lệ thay đổi lần thứ nhất là: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ chẵn Việt Nam đồng).

Công ty không phát hành bất cứ một loại chứng khoán nào. Ngoài vốn điều lệ, trong trường hợp cần thiết, công ty sẽ vay vốn của Ngân hàng.

Phần vốn góp và giá trị vốn góp của Chủ sở hữu

Tổng số vốn góp của chủ sở hữu hiện nay là: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ chẵn Việt Nam đồng) bằng 100% vốn điều lệ công ty.

2.1.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH MTV VT Mai Linh

a) Thuận lợi

- Công ty có uy tín, có trách nhiệm với bạn hàng, sự tự lập, tự tìm kiếm đối tác, tìm kiếm thị trường, có thể khai thác được chân hàng, nên giá cả hợp lý, được nhiều bạn hàng lựa chọn là đối tác làm ăn lâu dài.

- Thế mạnh của công ty còn thể hiện ở sự khéo léo, mềm mỏng trong đối ngoại, cũng như đối nội, đem lại nhiều đối tác trong và ngoài nước.

- Công ty còn có đội ngũ cán bộ công nhân viên trình độ đại học, cao đẳng, có kinh nghiệm cao, trình độ ngoại ngữ và khả năng giao tiếp tốt. Đặc biệt, Giám đốc công ty, ông Nguyễn Văn Mai, một nhà lãnh đạo có kiến thức chuyên môn, có khả năng quản lý, ngoại giao rất tốt và có tầm nhìn chiến lược.

- Công ty nằm trên địa bàn thành phố Cảng Hải Phòng, là nơi thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như giao dịch, liên hệ với bạn hàng, cũng như kiểm tra, giám sát việc bốc dỡ hàng hóa.

b) Khó khăn

- Năm 2008, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm. Chính sự suy giảm này đã làm cho nhu cầu vận tải bằng đường biển giảm mạnh, tình trạng thừa tàu xuất hiện.

- Giá dầu không ổn định và vẫn ở mức cao.

- Sĩ quan, thuyền viên – linh hồn của tàu biển thì đang ngày càng thiếu hụt, thuyền viên đã thiếu lại còn yếu về chất lượng.

- Chất lượng tàu đi nước ngoài vẫn chưa đáp ứng được những nhu cầu ngày càng cao về kỹ thuật, những yêu cầu của công ước quốc tế hàng hải.

- Sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt hơn.

2.1.1.3 Lĩnh vực kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức quản lý của Công ty TNHH MTV VT Mai Linh

a) Lĩnh vực kinh doanh của công ty TNHH MTV VT Mai Linh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Vận tải đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
- Kinh doanh than cám.

b) Mục tiêu của công ty TNHH MTV VT Mai Linh:

- Lập ra các tác nghiệp an toàn trong khai thác tàu, tạo môi trường làm việc an toàn và thực hiện chính sách an toàn và bảo vệ môi trường.

- Thành lập các phương án phòng tránh rủi ro đã được xác định.

- Liên tục hoàn thiện kỹ năng quản lý an toàn của các sỹ quan thuyền viên và các cán bộ nhân viên của công ty.

c) Nhiệm vụ của công ty TNHH MTV VT Mai Linh

- Kinh doanh đúng các ngành nghề như đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các thành viên, trước khách hàng, trước pháp luật về dịch vụ do Công ty thực hiện.

- Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

- Tuân thủ chế độ hạch toán kế toán, báo cáo thống kê, chế độ kiểm toán.

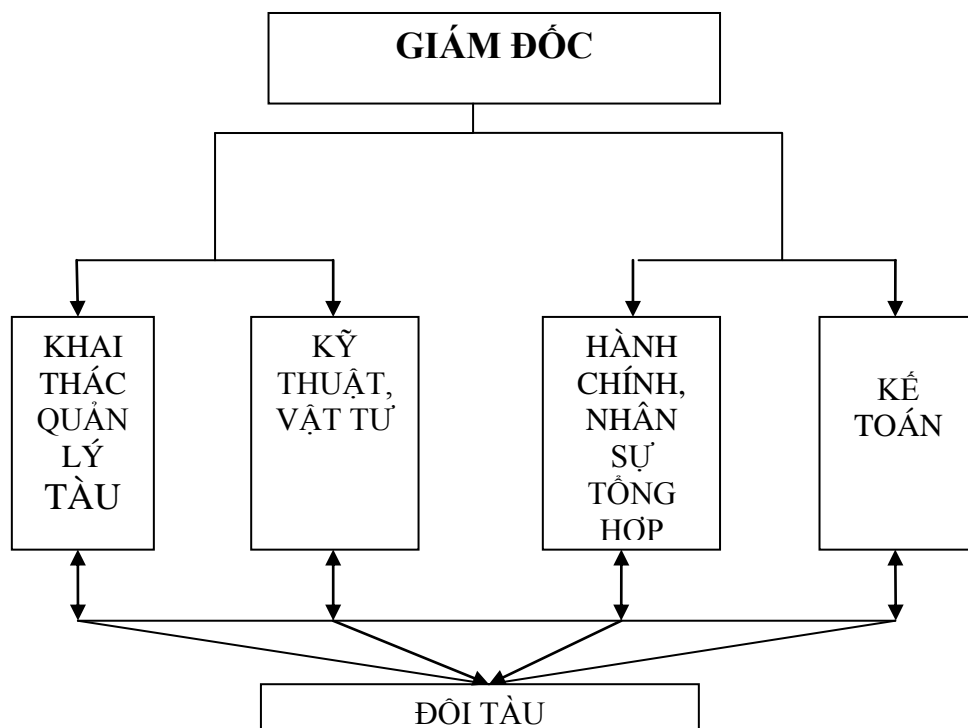
- Chấp hành các quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động theo quy định của luật lao động, luật hàng hải.

- Tuân thủ quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, trật tự và an toàn xã hội.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH MTV VT Mai Linh

2.1.2.1 Mô hình tổ chức quản lý công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH Một Thành Viên vận tải Mai Linh

2.1.2.2 Nhiệm vụ và chức năng của các bộ phận trong công ty

• **Giám đốc:** là người đại diện pháp nhân của công ty, kiêm chủ tịch công ty, là người điều hành cao nhất của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tổ chức dự án, kế hoạch kinh doanh và quyết định kinh doanh của công ty.
 - Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, huy động thêm vốn.
 - Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty.
 - Tuyển dụng lao động.
 - Quyết định mức lương, thưởng cho các nhân viên.
 - Ký kết các hợp đồng nhân danh công ty.
 - Quyết định giải thể hoặc yêu cầu giải thể công ty.
 - Trực tiếp phụ trách các mặt: công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, công tác khen thưởng kỉ luật, công tác đối ngoại.
 - Giám đốc là người đại diện duy nhất của Công ty, có thẩm quyền đưa ra thông báo cho các cơ quan thông tin đại chúng xem kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp...
- **Phòng hành chính nhân sự tổng hợp**

Chức năng: Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu không ngừng về khả năng quản lý của hệ thống chất lượng, góp phần nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả tổ chức của công ty.

Nhiệm vụ: Thiết lập các chính sách về nguồn lực căn cứ trên cơ sở quyết định sản xuất kinh doanh và định hướng của công ty.

• Phòng khai thác quản lý tàu

Chức năng: Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc thu nhập đầy đủ chính xác thông tin về tình hình chủ hàng, thực hiện hợp đồng xếp dỡ, đại lý giao nhận hàng, công tác quản lý duy trì mở rộng phạm vi kinh doanh.

Nhiệm vụ:

- Quản lý và ban hành các hướng dẫn hành trình cho tàu trên cơ sở kế hoạch từng chuyến đi.
- Thu nhập dữ liệu liên quan đến an toàn của hành trình trên biển và các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.
- Tổ chức thu nhập thông tin và đánh giá chủ hàng, đánh giá nhà cung ứng thông qua các nguồn tin hợp pháp, soát xét hợp đồng bốc xếp, làm, thống nhất biểu giá vận tải nội bộ, hàng biển, bộ và các dịch vụ liên quan.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch tham gia điều chỉnh hợp đồng. Trực tiếp quan hệ giải quyết khiếu nại của chủ hàng về các vụ liên quan đến chất lượng dịch vụ của công ty.

• Phòng kỹ thuật, vật tư

Chức năng: Tham mưu cho Giám đốc các lĩnh vực sau: mua sắm vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty, quản lý kho tang, vật tư, quản lý việc xuất, nhập vật tư.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức thu thập thông tin, đánh giá về đề xuất lựa chọn nhà cung ứng.
- Tổ chức xây dựng định mức cấp phát tiêu hao phụ tùng vật tư, nhiên liệu.
- Kiểm soát chất lượng của sản phẩm, tổ chức đánh giá chất lượng của sửa chữa, đề xuất giải pháp biện pháp đảm bảo an toàn phương tiện.

• Phòng kế toán

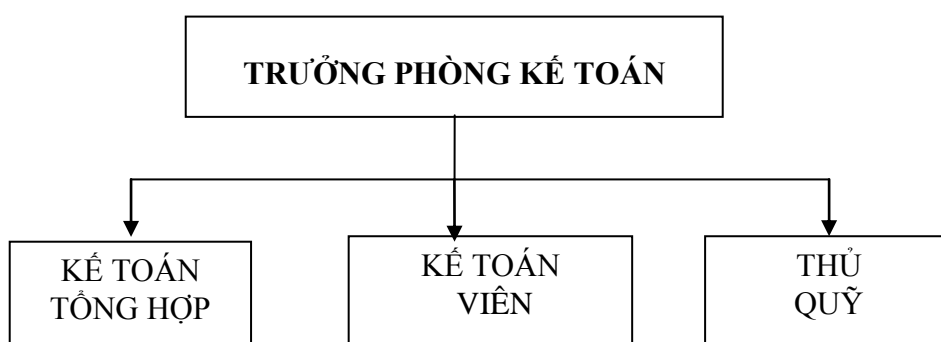
Chức năng: là phòng tham mưu cho giám đốc về hoạt động quản lý tài chính, hạch toán kinh tế, hạch toán kế toán trong toàn công ty, quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, đề xuất giúp công ty thực hiện các chỉ tiêu tài chính.

Nhiệm vụ:

- Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích đánh giá hoạt động tài chính, tìm ra các biện pháp sử dụng nguồn tài chính một cách có hiệu quả nhất.
- Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra kiểm tra về tài chính của cấp trên.
- Bảo đảm việc ghi chép số liệu, tổng hợp tình hình kinh doanh của công ty, số liệu liên quan đến hoạt động tài chính kinh doanh của công ty.

2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH MTV VT Mai Linh

2.2.1 Bộ máy tổ chức kế toán



Sơ đồ 2.2 : Mô hình bộ máy tổ chức kế toán

- Trưởng phòng kế toán: phụ trách công tác kế toán chung cho công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Ngoài ra, kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: các khoản công nợ phải thu, phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.
- Kế toán tổng hợp: chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu thập, xử lý ghi chép và cung cấp thông tin về kinh tế tài chính của công ty.
- Kế toán viên: có trách nhiệm bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, nguyên vật liệu, hàng hóa, tiền mặt để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc. Theo dõi tình hình xuất tồn

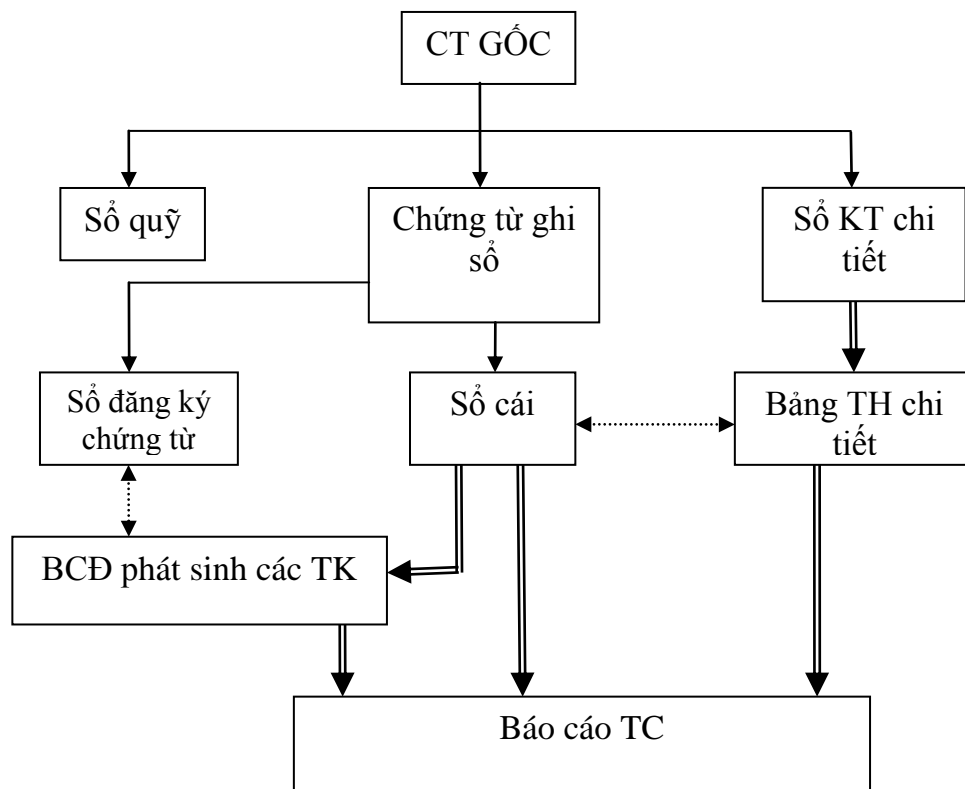
kho vật tư, hàng hóa về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

- Thủ quỹ: xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.2.2 Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán tại công ty TNHH MTV VT Mai Linh.

2.2.2.1 Hình thức ghi sổ

Công ty THNN MTV Vận Tải Mai Linh áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty

- Ghi chú:
 —————> : Ghi nợ hàng ngày
 = = = = => : Ghi cuối tháng, cuối quỹ
 <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ và các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được chuyển đến kế toán trưởng ký duyệt rồi chuyển cho bộ phận kế toán tổng hợp với đầy đủ chứng từ gốc kèm theo để bộ phận ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sau đó ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi sổ chi tiết. Các chứng từ liên quan đến tiền vào sổ quỹ riêng.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh. Tiếp đó, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh của các tài khoản tổng hợp, các tài khoản tổng hợp trên bảng cân đối số phát sinh phải khớp nhau và khớp với số tiền của sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2.2.2 Các chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh

Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh đã, đang thực hiện chế độ kế toán mới theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, với hệ thống tài khoản và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước mới ban hành.

• **Hình thức kế toán áp dụng:** Hình thức kế toán chứng chỉ ghi sổ

Theo hình thức này, căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Các loại sổ kế toán sử dụng: Chứng chỉ ghi sổ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái; Các chi tiết; Bảng tổng hợp chi tiết.

• **Phương pháp kế toán hàng tồn kho:** kê khai thường xuyên.

• **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ 1/1 kết thúc 31/12.

- Kỳ báo cáo Tài chính: năm.
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- TSCĐ được tính khấu hao: theo phương pháp khấu hao đều.
- Hệ thống BCTC của Công ty hiện nay gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Hệ thống tài khoản: Áp dụng hệ thống tài khoản đã quy định tại chế độ kế toán Việt Nam. Công ty đã đăng ký sử dụng hầu hết các tài khoản theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC và các tài khoản sửa đổi, bổ sung theo các thông tư hướng dẫn. Công ty không sử dụng một số tài khoản như: TK 113, TK 121, TK 159, TK 221, TK 611, TK 631....

2.2.3 Một số chỉ tiêu tài chính của công ty TNHH MTV VT Mai Linh trong 2 năm gần đây

Đv: đồng

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2010	Năm 2011
1. Doanh thu	4.404.320.722	4.117.072.260
2. Lợi nhuận trước thuế	736.802.619	420.702.086
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN	530.497.886	315.526.565
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.000.000.000	6.000.000.000

Bảng số 2.1

2.3 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh

2.3.1 Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh

*** Nội dung doanh thu tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh**

Doanh thu chủ yếu của Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh là từ việc bán than cám cho các công ty, tư nhân có nhu cầu, và từ làm dịch vụ vận tải, vận chuyển thuê hàng hóa bằng đường biển cho các công ty khác.

*** Các phương thức thanh toán:**

- Hình thức thanh toán ngay: khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, TGNH). Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

+ Phương thức thanh toán bằng tiền mặt: khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng kế toán viết hóa đơn GTGT. Hóa đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1: Màu tím được lưu lại chuyển hóa đơn.

Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng

Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

Khi người mua thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

+ Phương thức thanh toán qua ngân hàng: hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế, kế toán nhận được giấy báo Có của Ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

- Phương thức bán chịu: khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, bảng tổng hợp 131, sổ cái 131...

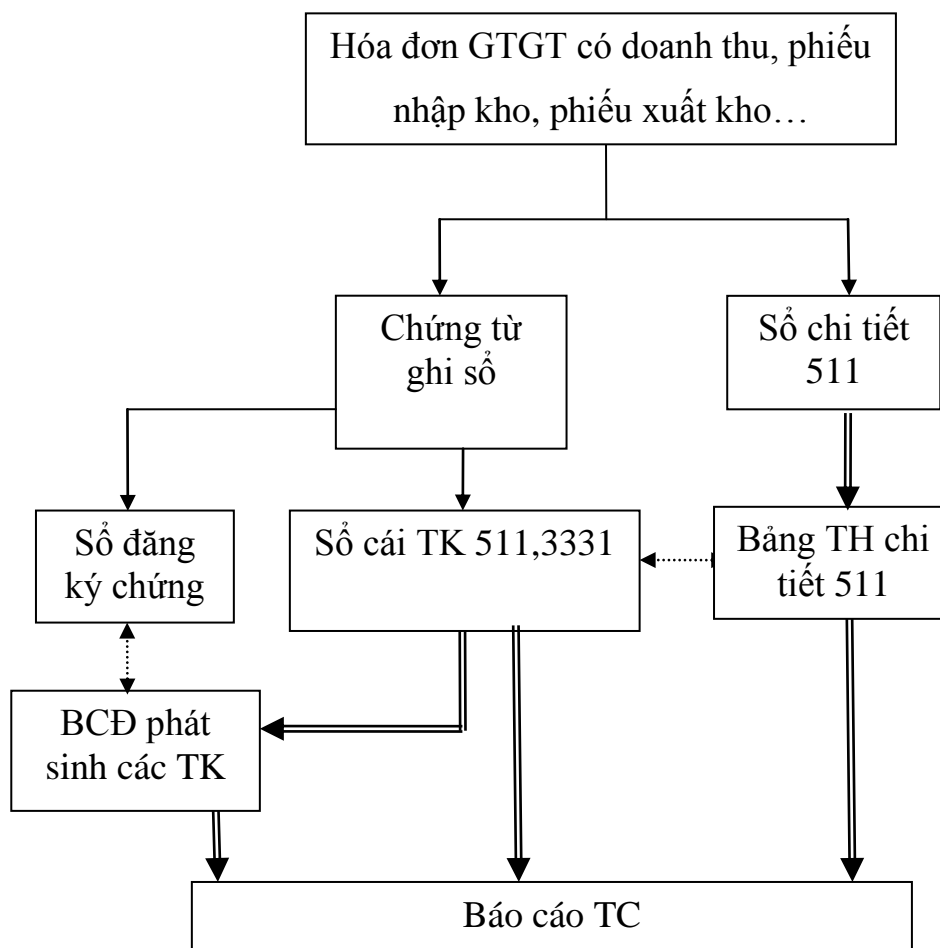
*** Chứng từ và sổ sách kế toán sử:**

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết tài khoản 511
- Sổ quỹ tiền mặt, TGNH
- Sổ cái TK 511, 3331...
- Một số sổ sách khác có liên quan.

* Tài khoản sử dụng: TK 111, TK 112, TK131, TK 511, TK 3331,...

*Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Ghi chú: \longrightarrow : Ghi nợ hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi cuối tháng, cuối quý
 $\longleftarrow \cdots \longrightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra

Khi nhận được hóa đơn yêu cầu đặt hàng của khách hàng, kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, rồi chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trên phiếu xuất kho hay không. Sau đó viết hóa đơn GTGT về bán hàng hóa. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao khách hàng

Liên 3: Nội bộ

Các thông tin trên HĐGTGT phải đảm bảo đủ các nội dung sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số điện thoại, fax, MST...
- Họ và tên người mua hàng, địa chỉ, số tài khoản, MST...
- Hình thức thanh toán
- Tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu, số thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán

Cuối tháng, dựa vào HĐGTGT và phiếu xuất kho để lập chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ, từ đó vào sổ cái TK 511, đồng thời ghi sổ chi tiết TK 511, bảng tổng hợp chi tiết, sau đó vào bảng cân đối số phát sinh.

Từ Bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết TK 511, sổ cái TK 511 tập hợp vào Báo cáo tài chính.

✦ Ví dụ minh họa:

Ngày 30/09/2011 công ty bán chịu 420 tấn than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh với trị giá xuất kho là 113.766.240 đ, tổng tiền thanh toán là 254.100.000 đ, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Ngày 30/09/2011 công ty vận chuyển than CLT cho công ty TNHH Phi Hùng xuất qua Vạn Gia – Quảng Ninh với tổng số tiền là 69.300.000 đ, thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào HĐGTGT số 0001272 (Bảng số 2.2) kế toán viết phiếu xuất kho 03/09 (Bảng số 2.3), và dựa vào HĐGTGT số 0001273 (Bảng số 2.4) kế toán vào

Sổ chi tiết TK 511 (Bảng số 2.5 - Bảng số 2.6), Bảng tổng hợp chi tiết 511 (Bảng số 2.7), rồi lập Chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.8), Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.9), Sổ cái TK 511 (Bảng số 2.10).

Cuối tháng 9 kế toán mới lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01 GTKT3/001

Liên 1: Lưu

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số: 0001272

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI MAI LINH

Mã số thuế: 0200754660

Địa chỉ: Thôn An Thắng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3774562

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LAN ANH

Mã số thuế: 0800465300

Địa chỉ: Vũ Xá – Thương Vũ – Kim Thành –Hải Dương

Hình thức thanh toán: ...CK.... Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Than cám	Tấn	420	550.000	231.000.000
Cộng tiền hàng:					231.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					23.100.000
Tổng cộng thanh toán					254.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi tư triệu một trăm ngàn đồng chẵn./					

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)
Giám đốc
Nguyễn Văn Mai

Bảng số 2.2

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH

Mẫu số 02 -VT

An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số : 48/2006/ QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 03/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Nợ TK 632: 113.766.240

Có TK 156: 113.766.240

Họ và tên người mua hàng: Công ty TNHH Một Thành Viên Lan Anh

Địa chỉ: Vũ Xá – Thương Vũ – Kim Thành – Hải Dương

Lý do xuất kho: Xuất bán than cám

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	MS	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Than cám		Tấn	420	420	270.872	113.766.240
	Cộng			420			113.766.240

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười ba triệu bảy trăm sáu sáu ngàn hai trăm bốn mươi đồng chẵn./

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập phiếu

(ký,họ tên)

Người giao hàng

(ký,họ tên)

Thủ kho

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Bảng số 2.3

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01 GTKT3/001

Liên 1: Lưu

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số: 0001273

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

Mã số thuế: 0200754660

Địa chỉ: Thôn An Thắng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3774562

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH PHI HÙNG

Mã số thuế: 0800385210

Địa chỉ: 15 Lê Thánh Tông – Hạ Long – Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: ...CK.... Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vận chuyển than CLT	Tấn	1.400	45.000	63.000.000
Cộng tiền hàng:					63.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		6.300.000	
Tổng cộng thanh toán					69.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi tư triệu một trăm ngàn đồng chẵn./					

Người mua hàng
(Đã ký)Người bán hàng
(Đã ký)Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)Giám đốc
Nguyễn Văn Mai**Bảng số 2.4**

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511
Tên sản phẩm: Than cám
Tháng 9/2011

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
30/09/2011	HĐGTGT 0001272	30/09/2011	Bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh	131	420	550.000		231.000.000
			Cộng phát sinh				231.000.000	231.000.000
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2011

Ngày ... tháng ... năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.5

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511
Tên sản phẩm: Cước vận chuyên
Tháng 9/2011

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
30/09/2011	HĐGTGT 0001273	30/09/2011	Cước vận chuyên than CLT xuất qua Vạn Gia-QN	131	1.400	45.000	63.000.000	
			Cộng phát sinh				63.000.000	
			Số dư cuối kỳ				63.000.000	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.6

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH

An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511

Tháng 9/2011

STT	Tên doanh thu	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Bán than cám			231.000.000	231.000.000		
2	Cước vận chuyên			63.000.000	63.000.000		
	Cộng			294.000.000	294.000.000		

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Bảng số 2.7

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 26/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh	131 131	511 3331	231.000.000 23.100.000
Cước vc than CLT xuất qua Vạn Gia - QN	131 131	511 3331	63.000.000 6.300.000
Cộng			323.400.000

Kèm theo 02 chứng từ gốc.

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.8

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Đv: đồng

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
01/09	03/09/2011	60.000.000
02/09	05/09/2011	800.000.000
...		
06/09	08/09/2011	500.000
07/09	09/09/2011	692.000
...		
14/09	12/09/2011	530.524
...		
22/09	26/09/2011	74.155
...		
25/09	30/09/2011	8.600.000
26/09	30/09/2011	323.400.000
27/09	30/09/2011	113.766.240
28/09	30/09/2011	2.569.658
29/09	30/09/2011	298.570.645
30/09	30/09/2011	208.398.149
31/09	30/09/2011	45.086.248
32/09	30/09/2011	67.629.372
- Cộng tháng		4.612.708.177
- Cộng lũy kế từ đầu quý		19.734.993.176

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.9

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
(Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tháng 9/2011
TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đv: đồng

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
26/09	30/9	Bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh	131		231.000.000
26/09	30/9	Cước vơ than CLT xuất qua Vạn Gia - QN	131		63.000.0000
29/09	30/9	K/c doanh thu BH và CCDV tháng 9	911	294.000.000	
		Cộng PS		294.000.000	294.000.000
		<u>SDCK</u>			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.10

2.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ tại Công ty TNHH Một Thành Viên vận Tải Mai Linh được tính theo phương Nhập trước – Xuất trước. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá của số hàng hóa xuất tại những thời điểm khác nhau.

Trị giá hàng hóa xuất kho được tính dựa trên công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hóa xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

*** Sổ sách kế toán:**

+ HĐ GTGT, phiếu xuất kho

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 632, 156, 911...

*** Tài khoản sử dụng:** TK 632, TK 156, TK 911...

*** Quy trình hạch toán:**

Khi có yêu cầu mua hàng của khách hàng, kế toán sẽ viết hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu ở bộ phận lập cuống phiếu

+ Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán để ghi sổ kế toán

+ Liên 3: Giao cho khách hàng

Cuối tháng kế toán căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu xuất kho kế toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ và ghi vào sổ cái TK 632.

☛ Ví dụ minh họa:

Ngày 30/09/2011 công ty bán chịu 420 tấn than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh, tổng tiền thanh toán là 254.100.000 đ, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Tính trị giá xuất kho của 420 tấn than cám:

- Tồn đầu kỳ của công ty: 512 tấn ; Đơn giá: 270.872 đ/tấn
- Nhập trong tháng 9: 210 tấn ; Đơn giá: 282.342 đ/ tấn
- Giá trị xuất kho: 113.766.240 đ

Căn cứ vào HĐGTGT số 0001272 (Bảng số 2.2) kế toán viết phiếu xuất kho 03/09 (Bảng số 2.3), lập Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Bảng số 2.11), Bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Bảng số 2.12), rồi lập Chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.13), Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.9), Sổ cái TK 632(Bảng số 2.14).

Cuối tháng 9 kế toán mới lập phiếu kế toán kết chuyển giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S10-DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 9/2011

Tài khoản:156

Tên kho:Kho hàng hóa

Tên quy cách: Than cám

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Số lượng(tấn)	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3=2x1)	4	(5=1x4)	6	(7=1x6)	E
		Số tồn đầu kỳ		270.872					512	138.686.464	
PN04/09	25/09	Nhập kho hàng hóa	331	282.342	210	59.291.820			512 210	138.686.464 59.291.820	
PX03/09	30/09	Xuất kho hàng hóa	632	270.872			420	113.766.240	92 210	24.920.224 59.291.820	
		Cộng trong tháng			210	59.291.820	420	113.766.240	302	84.212.044	

Sổ này có:....trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ:....

Ngày ...tháng...năm...

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Bảng số 2.11

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S11-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ
trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HÓA

TK: 156

Tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Đv tính	Tồn ĐK		Nhập		Xuất		Tồn CK	
			SI	TT	SL	TT	SI	TT	SL	TT
1	Than cám	Tấn	512	138.686.464	210	59.291.820	420	113.766.240	302	84.212.044
	Cộng			138.686.464		59.291.820		113.766.240		84.212.044

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Bảng số 2.12

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 27/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Công ty bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh.	632	156	113.766.240
Cộng			113.766.240

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.13

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 9/2011

TK: 632

Tên TK: Giá vốn hàng bán

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
27/09	30/9	Bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh	156	113.766.240	
30/09	30/9	K/c GVHB tháng 9	911		113.766.240
		Cộng PS		113.766.240	113.766.240
		<u>SDCK</u>			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.14

2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

*** Tài khoản sử dụng:** TK 642

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty gồm: tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho công tác quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, chi tiếp khách, hội nghị...).

*** Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Chứng từ ghi sổ
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Sổ cái TK 642,112...
- Sổ sách liên quan khác

⊛ Ví dụ minh họa:

Ngày 12/09/2011 công ty thanh toán cước dịch vụ thông tin di động cho CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V, số tiền là 482.294, chưa bao gồm thuế GTGT 10%, công ty thanh toán bằng tiền mặt.

Từ HĐGTGT số 0047420 (Bảng số 2.15), kế toán ghi phiếu chi (Bảng số 2.16), rồi lập chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.17), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.9), Sổ cái TK 642 (Bảng số 2.18).

Cuối tháng 09 kế toán mới lập phiếu kế toán kết chuyển chi phí QLDN.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

mobifone

Mẫu số:01 GTKT2/001

Ký hiệu: GB/11P

Số: 0047420

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V

Mã số thuế: 0100686209084

Địa chỉ: Số 8 Lô 28A Lê Hồng Phong – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 18001090 ; Fax: 031.3558869

Số tài khoản:

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

Mã số thuế: 0200754660

Địa chỉ: An Thắng – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số thuê bao: 0936608836

Cước từ ngày: 21/07/2011 đến ngày: 20/08/2011

STT	Khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước dịch vụ thông tin di động				
					482.294
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					48.230
Tổng cộng thanh toán					530.524
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm ba mươi nghìn năm trăm hai mươi tư đồng./					

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Người nộp tiền

(Đã ký)

Nhân viên giao dịch

(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.15

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mã số 02-TT
(QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)
Quyển số:03

PHIẾU CHI

Số: 203

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Nợ TK 642: 482.294

Nợ TK 133: 48.230

Có TK 111: 530.524

Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU
VỤCV

Địa chỉ: Số 8 Lô 28A Lê Hồng Phong – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước dịch vụ thông tin di động

Số tiền: 530.240 đ

Viết bằng chữ: Năm trăm ba mươi nghìn năm trăm hai mươi tư đồng.

Kèm theo: 01 HĐ GTGT

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)	Phụ trách kế toán (Ký, họ tên)	Người lập biểu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-------------------------	---------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm trăm ba mươi nghìn năm trăm hai mươi tư đồng./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Bảng số 2.16

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 14/09

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Thanh toán cước dịch vụ thông tin di động	642	111	482.294
	133	111	48.230
Cộng			530.524

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.17

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9/2011

TK: 642

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
				
14/09	12/09	Thanh toán cước thông tin di động	111	482.294	
				
30/09	30/09	K/c Chi phí QLKD tháng 9	911		66.990.524
		Cộng PS		66.990.524	66.990.524
		<u>SDCK</u>			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.18

2.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

2.3.4.1 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính: là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính doanh nghiệp bao gồm:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở tiền gửi, thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

*** Tài khoản sử dụng:** TK 515

- TK 5151: Doanh thu hoạt động tài chính/Lãi tiền gửi.

- TK 5152: Doanh thu hoạt động tài chính/Cổ tức, lợi nhuận được chia.

*** Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Giấy báo Có của ngân hàng

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 515

- Các chứng từ sổ sách liên quan khác

2.3.4.2 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính: là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến đầu tư tài chính, trả tiền thuê tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí tài chính doanh nghiệp bao gồm:

- Lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở tiền vay, thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

*** Tài khoản sử dụng:** TK 635

-TK 6351 - Lãi tiền vay

*** Chứng từ sổ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có ngân hàng

- Bảng kê tính lãi của ngân hàng

- Phiếu chi

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ chi tiết liên quan tài khoản 112, 635

- Sổ cái tài khoản 635

Căn cứ vào các chứng từ, sổ sách liên quan: Giấy báo Có, Giấy báo Nợ, sổ phụ ngân hàng.... Cuối tháng kế toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ, từ đó tiến hành ghi vào sổ cái TK 515, 635. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✪ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 26/09/2011 công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng TMCP Quân Đội về số tiền lãi gửi ngân hàng .

Từ Sổ phụ (Bảng số 2.19) và Giấy báo có (Bảng số 2.20), kế toán lập chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.21), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.9), Sổ cái TK 515 (Bảng số 2.22).

Cuối tháng 09 kế toán mới lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 30/09/2011 Ngân hàng thương mại Á Châu gửi giấy báo Nợ trả lãi tiền, số tiền 569.658 đồng.

Từ Sổ phụ (Bảng số 2.23) và Giấy báo nợ Nợ (Bảng số 2.24), kế toán lập chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.25), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.9), Sổ cái TK 635 (Bảng số 2.26).

Cuối tháng 09 kế toán mới lập phiếu kế toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.

Ngân hàng TMCP Quân Đội

SỔ PHỤ VND

Số: 05

Ngày 26 tháng 09 năm 2011

Tài khoản: 2190231

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có
Số dư đầu ngày		...
## Lãi nhập tiền gửi ##		74.155
Tổng phát sinh ngày	0	74.155
Số dư cuối ngày		...

Sổ phụ

Kiểm soát

Bảng số 2.19

Ngân hàng TMCP Quân Đội

Mã GDV: BATCH

Mã KH:32918

Số GD:0

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 26 tháng 09 năm 2011

Kính gửi: Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 2190231

Số tiền viết bằng số: **74.155**

Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tư nghìn, một trăm lăm mươi lăm đồng chẵn.

Nội dung: ## Lãi nhập gốc ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Bảng số 2.20

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH

Mẫu số S02a- DNN

An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 22/09

Ngày 26 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
+Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	74.155
Cộng			74.155

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.21

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9/2011

TK: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
				
22/09	26/09	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112		74.155
				
29/09	30/09	K/c Doanh thu hoạt động tài chính tháng 9	911	4.570.645	
		Cộng PS		4.570.645	4.570.645
		<u>SDCK</u>			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.22

**Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK**

SỔ PHỤ VND

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Tài khoản: 2407939

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có
	Số dư đầu ngày	...
## Lãi tiền vay ##	2.569.658	
	Tổng phát sinh ngày	0
	Số dư cuối ngày	...
Sổ phụ		Kiểm soát

Bảng số 2.23

**Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK**

Mã GDV: BATCH
Mã KH:10628
Số GD:0

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Vận tải Mai Linh

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 2407939

Số tiền viết bằng số: 2.569.658

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm lăm mươi tám đồng.

Nội dung: ## LÃI TIỀN VAY ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Bảng số 2.24

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lu–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 28/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
- Lãi tiền vay	635	112	2.569.658
Cộng			2.569.658

Kèm theo ... chứng từ gốc

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.25

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9/2011

TK: 635

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
				
28/09	30/09	Trả lãi tiền vay	112	2.569.658	
				
30/09	30/09	K/c Chi phí hoạt động tài chính tháng 9	911		27.641.385
		Cộng PS		27.641.385	27.641.385
		<u>SDCK</u>			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.26

2.3.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.3.4.1 Kế toán thu nhập khác

Nội dung của thu nhập khác gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Thu tiền được hưởng do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

*** Tài khoản sử dụng:** TK 711

*** Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Phiếu thu
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711
- Các sổ sách liên quan khác

2.3.5.2 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

*** Chứng từ sổ sách sử dụng:** TK 811

Theo quyết định 48 của Bộ tài chính, chi phí khác bao gồm:

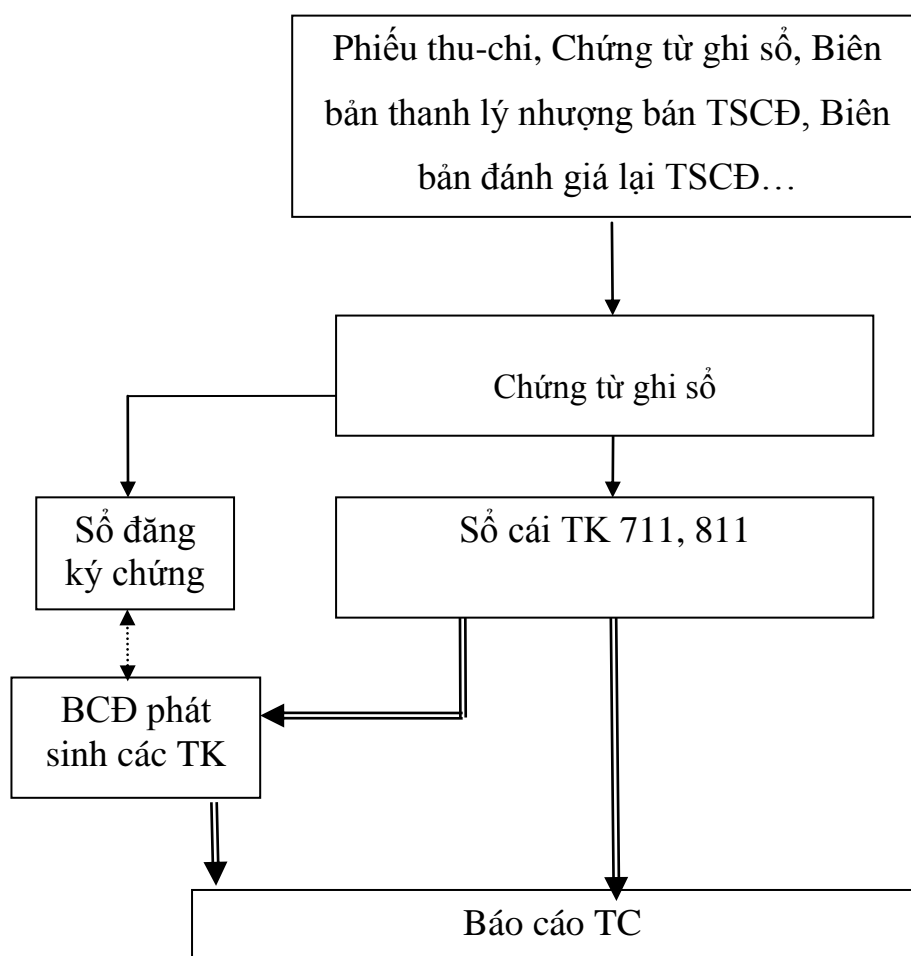
- TK 811 – Chi phí khác
 - TK 821 – Chi phí thuế TNDN
- Chi phí khác gồm:

- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kế toán.
- + Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- + Các khoản chi phí khác.
- Chi phí thuế TNDN gồm: Số tiền phải nộp cho cơ quan thuế Nhà nước tính trên thu nhập ròng của doanh nghiệp.

*** Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá.
- Sổ cái TK 811.
- Các sổ liên quan khác.

* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí tài chính tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh

Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Trong năm 2011 công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.3.5 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh: là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

*** Tài khoản sử dụng:** TK 911

*** Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, 821, 421
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 641...

Ví dụ: Cuối tháng 09/2011, Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh thực hiện các bút toán kết chuyển cần thiết để xác định kết quả kinh doanh.

▪ K/c doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 511: 294.000.000

Nợ TK 515: 4.570.645

Có TK 911: 298.570.645

▪ K/c giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh và chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 911: 208.398.149

Có TK 632: 113.766.240

Có TK 642: 66.990.524

Có TK 635: 27.641.385

▪ Xác định chi phí thuế TNDN (25%)

Nợ TK 8211: 22.543.124

Có TK 3334: 22.543.124

▪ K/c chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 911: 22.543.124

Có TK 8211: 22.543.124

▪ K/c lãi:

Nợ TK 911: 67.629.372

Có TK 4212: 67.629.372

- Dựa vào phiếu kế toán kết chuyển doanh thu số 09 (Bảng số 2.27) kế toán vào chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.31)

- Dựa vào phiếu kế toán kết chuyển chi phí số 10 (Bảng số 2.28) kế toán vào chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.32)

- Dựa vào phiếu kế toán số 11 (Bảng số 2.29) kế toán vào chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.33)

- Dựa vào phiếu kế toán số 12 (Bảng số 2.30) kế toán vào chứng từ ghi sổ (Bảng số 2.34)

=> Dựa vào các chứng từ ghi sổ được lập ở trên kế toán tiến hành vào sổ cái các TK 821,911,421 (Bảng số 2.35-Bảng số 2.37). Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Bảng số 2.38).

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số: 33

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển doanh thu			
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	294.000.000
2	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	4.570.645
	Cộng			298.570.645

Bảng số 2.27

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số:34

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí			
1	Kết chuyển GVHB	911	632	113.766.240
2	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	66.990.524
3	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	27.641.385
	Cộng			208.398.149

Bảng số 2.28

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số:35

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Chi phí thuế TNDN	821	3334	22.543.124
2	Kc thuế TNDN	911	821	22.543.124
	Cộng			45.086.248

Bảng số 2.29

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số:36

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	67.629.372
	Cộng			67.629.372

Bảng số 2.30

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 29/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu, thu nhập			
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	294.000.000
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.570.645
Cộng			298.570.645

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.31

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 30/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí			
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	113.766.240
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	66.990.524
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	27.641.385
Cộng			208.398.149

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.32

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 31/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí thuế TNDN	821	3334	22.543.124
Kết chuyển thuế TNDN	911	821	22.543.124
Cộng			45.086.248

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.33

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
 An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 32/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi	911	421	67.629.372
Cộng			67.629.372

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Bảng số 2.34

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9/ 2011

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
31/09	30/09	Chi phí thuế TNDN	3334	22.543.124	
31/09	30/09	Kết chuyển thuế TNDN	911		22.543.124
.....
		Cộng phát sinh T9		22.543.124	22.543.124
		Dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.35

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 9/2011

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
29/09	30/09	Kết chuyển doanh thu tháng 9			
		Kết chuyển doanh thu thuần	511		294.000.000
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.570.645
30/09	30/09	Kết chuyển chi phí tháng 9			
		Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	113.766.240	
		Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	66.990.524	
		Kết chuyển chi phí tài chính	635	27.641.385	
31/09	30/09	Kết chuyển thuế TNDN	821	22.543.124	
32/09	30/09	Kết chuyển lãi	421	67.629.372	
		Cộng phát sinh T9		298.570.645	298.570.645
		Dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011
Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.36

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Tháng 9/ 2011)

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			<u>102.159.734</u>
		Số phát sinh			
32/09	30/09	Kết chuyển lãi tháng 9	911		67.629.372
		Cộng phát sinh Tháng 9			67.629.372S
		Dư cuối kỳ			<u>169.789.106</u>

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Bảng số 2.37

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
 An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số B02 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.117.072.260	4.404.320.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.117.072.260	4.404.320.722
4. Giá vốn hàng bán	11		3.100.167.890	3.065.969.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.016.904.370	1.338.351.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		68.118.965	20.056.453
7. Chi phí tài chính	22		398.537.104	315.886.314
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		265.784.145	305.718.546
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24)	30		420.702.086	736.802.610
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	IV.09	420.702.086	736.802.619
14. Chi phí thuế TNDN	51		105.175.522	206.304.733
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		315.526.565	530.497.886

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng số 2.38

PHẦN 3

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH

3.1 Những đánh giá chung về tình hình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cũng như các yếu tố chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, và sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của các toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể tới sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua một thời gian thực tập tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh với việc nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh”***, em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

3.1.1 Ưu điểm

☛ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

★ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, nhiệt tình và có lòng yêu nghề, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty.

★ Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể:

- Về chứng từ kế toán: kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo ra điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý.

- Về sổ sách kế toán: các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

★ Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Công ty đã nắm bắt nhanh chóng những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính

xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo được chính xác, đầy đủ và kịp thời phát sinh.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác này tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Tồn tại 1 : Về việc luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm chễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Tồn tại 2 : Về hạch toán chi phí giá vốn

Kế toán tại công ty chỉ hạch toán giá vốn cho than cám mà không hạch toán giá vốn cho dịch vụ vận chuyển. Khi phát sinh nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa, các chi phí phát sinh cho lần vận chuyển đó kế toán hạch toán vào TK 642 mà không hạch toán vào TK 632. Việc hạch toán như vậy là sai gây ảnh hưởng tới việc xác

định Chi phí quản lý kinh doanh, Giá vốn hàng bán trong kỳ của công ty.

Tồn tại 3 : Về hệ thống sổ kế toán

Việc sử dụng mẫu sổ kế toán chưa đúng, chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC). Cụ thể là sổ cái tài khoản, chứng từ ghi sổ chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính.

- Về sổ cái tài khoản: theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC, quy định về mẫu sổ cái tài khoản, sổ cái mà công ty sử dụng còn thiếu các mục sau:

+ Ngày tháng ghi sổ: nói rõ ngày tháng ghi sổ là ngày nào nhằm biết được tiến độ công việc tiến hành đến đâu.

+ Cột ghi chú: giải thích rõ ràng hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong sổ cái

+ Số trang sổ, ngày mở sổ: ghi rõ số trang của sổ này là bao nhiêu, ngày mở sổ là ngày nào, giúp cho kế toán biết được số lượng trình tự ghi sổ như thế nào.

- Về chứng từ ghi sổ: theo mẫu do Bộ tài chính quy định thì mẫu chứng từ ghi sổ công ty sử dụng còn thiếu cột “ghi chú” có tác dụng diễn giải cụ thể hơn, giải thích rõ ràng hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong chứng từ ghi sổ.

Tồn tại 4 : Về phương thức hạch toán kế toán

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo... Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng chưa sử dụng phần mềm kế toán mà chỉ làm kế toán excel trên máy vi tính nên mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Tồn tại 5: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Chiến lược kinh doanh trong tiêu thụ đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó

sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Do đó, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tồn tại 6 : Về phương thức tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Ví dụ : có thể là bán hàng qua đại lý, bán qua kho, bán trực tiếp không qua kho song để quyết định phương thức nào là phù hợp nhất còn phụ thuộc vào đặc tính của sản phẩm, hàng hóa tại công ty đó. Tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh thì nguồn doanh thu chủ yếu là bán than cám và cung cấp dịch vụ vận tải biển là chủ yếu cho nên Công ty thường bán hàng theo phương thức trực tiếp. Bên cạnh đó, công ty cũng không sử dụng phương pháp bán hàng gửi đại lý điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng khuyến khích trưng sản phẩm tới khách hàng và mang lại doanh thu cho công ty, từ đó đã làm giảm đáng kể số lượng khách hàng.

3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện. Do vậy, kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí, mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển trong tương lai.

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

Kiến nghị 1 : Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ kho sang phòng kế toán để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành thành phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Cho nên, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Ví dụ, có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào sổ sách một cách cập nhật nhất.

Ví dụ như công ty nên lập Sổ theo dõi giao nhận chứng từ 10 ngày 1 lần theo mẫu sau:

SỔ THEO DÕI GIAO NHẬN CHỨNG TỪ
Tháng 9/2011

STT	NT	Tên chứng từ	Bên giao	Bên nhận	Ghi chú
1	21/09	PNK 03/09...	Kho vật tư	Phòng kế toán	Dầu Diesel
2	22/09	...			
3	23/09	...			
4	24/09	...			
5	25/09	PNK 04/09, ...	Kho vật tư	Phòng kế toán	Than cám
6	26/09			
7	27/09	...			
8	28/09	...			
9	29/09	...			
10	30/09	PXK 03/09, ...	Kho vật tư	Phòng kế toán	Than cám

Kiến nghị 2 : Hạch toán Giá vốn hàng bán cho dịch vụ vận tải

Kế toán không nên hạch toán các chi phí phát sinh trong dịch vụ vận tải vào TK 642 mà hạch toán vào TK 154 rồi cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 như ở sơ đồ 1.5. Bên cạnh đó, kế toán nên mở thêm TK 154 và TK 632 nên chia ra 2 tiểu khoản là:

- 6321 – Giá vốn hàng hóa
- 6322 – Giá vốn dịch vụ

Ví dụ như ngày 30/09/2011 công ty nhận vận chuyển than CLT qua Vạn Gia – QN cho công ty TNHH Phi Hùng, chi phí phát sinh trong chuyến vận chuyển hết 38.644.000 đ. Kế toán không nên đưa số tiền này vào TK 642 mà ta định khoản nghiệp vụ trên như sau:

Nợ TK 154 : 38.644.000
 Có TK 111 : 3.260.000
 Có TK 152 : 9.084.000
 Có TK 334 : 26.300.000
Nợ TK 6322 : 38.644.000
 Có TK 154: 38.644.000

Kiến nghị 3 : Hệ thống sổ sách kế toán

Công ty nên sửa lại mẫu sổ cái tài khoản và chứng từ ghi sổ theo quyết định số 48/2006/QĐ_BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Dưới đây là mẫu sổ của Bộ tài chính:

Đơn vị:...

Mẫu số S02c1-DNN

Địa chỉ:...

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm:...

Tên tài khoản:...

Số hiệu:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			Số phát sinh trong tháng				
			Cộng phát sinh trong tháng				
			Số dư cuối tháng				
			Công lũy kế từ đầu quý				

Sổ này có:...trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị:...

Mẫu số S02a- DNN

Địa chỉ:...

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: ...

Ngày ...tháng ...năm...

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Cộng	x	x		x

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

VD: Ngày 30/09/2011 công ty bán chịu 420 tấn than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh với tổng giá thanh toán là 251.000.000 đ (thuế GTGT là 10%). Và trong ngày, công ty cũng vận chuyển than CLT cho công ty TNHH Phi Hùng xuất qua Vạn Gia – QN với tổng số tiền thanh toán là 69.300.000 đ (thuế GTGT là 10%).

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH

Mẫu số S02a- DNN

An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 26/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán than cám 6A	131	511	231.000.000	Công ty TNHH MTV
	131	3331	23.100.000	Lan Anh
Cước vận chuyển than CLT	131	511	63.000.000	Công ty TNHH Phi Hùng
qua Vạn Gia - QN	131	3331	6.300.000	
Cộng			323.400.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH MTV VT MAI LINH
An Thắng–An Lư–Thủy Nguyên–Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9/ 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
30/09	26/09	30/09	Bán than cám cho công ty TNHH MTV Lan Anh			231.000.000	
30/09	26/09	30/09	Cước vận chuyển than CLT qua Vạn Gia-QN			63.000.000	
30/09	29/09	30/09	Kc doanh thu BH và CCDV T9		294.000.000		
			Cộng phát sinh trong tháng		294.000.000	294.000.000	
			Dư cuối kỳ				

Sổ này có: 50 trang, đánh số từ 01 đến trang 50

Ngày mở sổ: 01/01/2011

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Kiến nghị 4 : Về hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán :

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khối lượng công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy móc có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hóa của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT_BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như :

Phần mềm kế toán Fast của công ty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.

Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA

Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft.....

Phần mềm kế toán SÁ-INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau : Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết(sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu

cầu.

Việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Làm cho kế toán không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để dành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Kiến nghị 5: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng
- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này

những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
Nợ TK 5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Với biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

Kiến nghị 6 : Về phương pháp tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Tại công ty than cám đều được nhập kho trước khi bán tức là trước khi đem bán phải thông qua kho. Hơn nữa than cám là sản phẩm có thời gian sử dụng tương đối lâu, không nứt vỡ trong bảo quản, chỉ cần đặt trong điều kiện bình thường là có thể bảo quản trong thời gian tương đối dài. Chính vì đặc tính đó mà việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm bỏ lỡ nhiều cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy công ty nên bổ sung phương thức tiêu thụ xuất bán thẳng không qua kho. Bên cạnh phương thức này công ty nên mở rộng thị trường trên toàn quốc để tạo ra hệ thống tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm tới khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh cùng những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Và em đã vận dụng những kiến thức được học tập ở trên ghế nhà trường để nghiên cứu về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh làm cơ sở cho đề tài khóa luận của mình. Qua đó, em đã mạnh dạn đề xuất một số ý kiến với mục đích nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GV, Th.S Phạm Thị Nga, người đã trực tiếp hướng dẫn em, và các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, cùng các cô chú trong phòng kế toán tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ tư đã chỉnh sửa bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005).
3. Giáo trình kế toán tài chính (nhà xuất bản Tài Chính, xuất bản năm 2007)
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính (nhà xuất bản Tài chính Hà Nội, xuất bản năm 2007).
5. Kế toán dịch vụ (nhà xuất bản Tài Chính, xuất bản năm 2008).
6. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới-nhà xuất bản thống kê Hà Nội).
7. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh.
8. Trang web: + [http://:tailieu.vn](http://tailieu.vn)
+ [http://:webketoan](http://webketoan)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1.1 Doanh thu và các loại doanh thu	3
1.1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá.....	5
1.1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	6
1.1.2 Ý nghĩa, tác dụng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	6
1.1.3 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	7
1.1.3.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	7
1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	8
1.2 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 8	
1.2.1 Các phương thức bán hàng.....	8
1.2.2 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2.1 Kế toán doanh thu	9
1.2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20
1.2.4.1 Chi phí bán hàng	20
1.2.4.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21
1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	23
1.2.5.1 Doanh thu hoạt động tài chính	23
1.2.5.2 Chi phí hoạt động tài chính	25
1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	27

1.2.6.1 Thu nhập khác	27
1.2.6.2 Chi phí khác	29
1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.3 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp	34
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	35
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	36
1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	37
1.3.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	38
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
PHẦN 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,	40
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH.....	40
2.1 Đặc điểm tình hình chung của Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh	40
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh	40
2.1.1.1 Nguyên tắc hoạt động, tên gọi, trụ sở, và vốn	40
2.1.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH MTV VT Mai Linh.....	41
2.1.1.3 Lĩnh vực kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức quản lý của Công ty TNHH MTV VT Mai Linh	42
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH MTV VT Mai Linh	43
2.1.2.1 Mô hình tổ chức quản lý công ty	43
2.1.2.2 Nhiệm vụ và chức năng của các bộ phận trong công ty	44
2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH MTV VT Mai Linh.....	46
2.2.1 Bộ máy tổ chức kế toán.....	46
2.2.2 Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán tại công ty TNHH MTV VT Mai Linh.....	47
2.2.2.1 Hình thức ghi sổ	47
2.2.2.2 Các chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh.....	48

2.2.3 Một số chỉ tiêu tài chính của công ty TNHH MTV VT Mai Linh trong 2 năm gần đây	49
2.3 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh.....	50
2.3.1 Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH MTV Vận Tải Mai Linh	50
2.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	63
2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	69
2.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	74
2.3.4.1 Doanh thu hoạt động tài chính	74
2.3.4.2 Chi phí hoạt động tài chính	74
2.3.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	84
2.3.5.1 Kế toán thu nhập khác.....	84
2.3.5.2 Kế toán chi phí khác.....	84
2.3.5 Xác định kết quả kinh doanh.....	87
PHẦN 3: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI MAI LINH.....	99
3.1 Những đánh giá chung về tình hình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh .	99
3.1.1 Ưu điểm.....	99
3.1.2 Hạn chế.....	101
3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh	103
3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Mai Linh	104
KẾT LUẬN	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO	116